



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, tôi xin gửi tới lời chào trân trọng nhất cũng như lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công đến Quý cổ đông và các Nhà đầu tư!

Năm 2022, diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 tiếp tục tác động tiêu cực đến tổng thể kinh tế xã hội, nhất là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng mức độ ảnh hưởng đã được kiểm soát hơn so với năm 2021. Năm 2022 được kỳ vọng chúng kiến nền kinh tế thế giới phục hồi sau đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, trái với kỳ vọng, năm 2022 lại đánh dấu bằng một cuộc xung đột mới, lạm phát cao kỷ lục và các thảm họa liên quan đến khí hậu. Đó là một năm "đa khủng hoảng". Cuộc xung đột tại Ukraine xảy ra vào cuối tháng Hai đã khiến giá năng lượng và lương thực tăng vọt. Nhiều quốc gia hiện đang phải vật lộn với cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt do tiền lương không theo kịp lạm phát. Để ứng phó với lạm phát, các ngân hàng trung ương bắt đầu tăng lãi suất, nguy cơ đẩy các quốc gia vào suy thoái nghiêm trọng vì lãi suất cao hơn đồng nghĩa hoạt động kinh tế chậm lại.

Kinh tế xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Tuy vậy, nền kinh tế nước ta trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. Ước tính GDP năm nay tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2022 ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.

Được sự hỗ trợ quán triệt của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam và Tổng Công ty PTC, đã tạo điều kiện cho PTS Nghệ Tĩnh vận chuyển 100% sản lượng bán lẻ xăng dầu tại các CHXD thuộc Công ty xăng dầu (CTXD) thành viên. Những tháng cuối năm, nguồn cung xăng dầu bị thiếu hụt, nhiều doanh nghiệp đều mỗi chủ động dừng bán hàng để giảm lỗ nên nhu cầu dồn về hệ thống Petrolimex, khiến cho sản lượng xuất bán trên các kênh của các Công ty thành viên tăng cao, kéo theo sản lượng vận tải của Công ty tăng vượt kế hoạch đặt ra. Tuy nhiên, Nguồn cung hàng hóa những tháng cuối năm khan hiếm, hàng cấp theo định mức nên nhiều thời điểm phải chia nhỏ ngăn, thời gian lấy hàng tại kho lâu ảnh hưởng cục bộ đến năng lực vận tải của đoàn xe và trong nửa đầu năm 2022, việc giá bán lẻ Diesel tăng 65% so với cuối năm 2021, làm giá thành vận tải tăng cao trong khi việc điều chỉnh giá cước không kịp theo sự tăng lớn của giá dầu, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh vận tải.

Trong bối cảnh đó, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty, HĐQT, ban Giám đốc Công ty và sự kết hợp sức mạnh trong hệ thống, Công ty vẫn đạt được một số kết quả nhất định. Trong những năm qua công ty luôn chú trọng định hướng phát triển. Tích cực đầu tư vốn, tích cực tìm kiếm thị trường, phát huy mọi nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, thực hiện tiết giảm chi phí, tăng việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, giảm các nghĩa vụ phải thực hiện. Tham gia vào việc thực hiện đúng đắn các chính sách quốc gia và xã hội và duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định. Ngoài ra, công ty còn chú trọng đến yếu tố con người bằng cách xây dựng và đào tạo đội ngũ hiệu quả để duy trì sự phát triển của công ty.

Điều kiện kinh tế toàn cầu và giá xăng dầu được dự báo sẽ tiếp tục khó lường trong năm 2023, tạo ra cả thách thức và cơ hội để PTS Nghệ Tĩnh duy trì vị thế của mình so với các công ty cùng ngành. Với quyết tâm cao và tinh thần trách nhiệm, tôi tin tưởng rằng công ty sẽ vượt qua những thử thách phía trước và gặt hái được nhiều thành công trong tương lai. Thay mặt HĐQT tôi xin cảm ơn sự tin tưởng dành cho PTS Nghệ Tĩnh trong những năm qua. Chúng tôi tin rằng sự phối hợp, cam kết, nỗ lực và hợp tác đúng đắn giữa các bên sẽ mang lại cho chúng ta những bước tiến vững chắc trong tương lai. Tôi xin chúc tất cả Quý khách hàng, Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể nhân viên PTS Nghệ Tĩnh dồi dào sức khỏe, an Khang và thịnh vượng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hoàng Công Thành

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung về doanh nghiệp

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy công ty

Định hướng phát triển

Rủi ro





THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty: Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

Tên Tiếng Anh: PETROLIMEX NGHE TINH TRANSPORTATION AND SERVICE JSC

Vốn điều lệ: 58.476.850.000 đồng

Viết tắt: PTS Nghệ Tĩnh

Mã doanh nghiệp: 2900428497

Điện thoại: (84.238) 385 1530

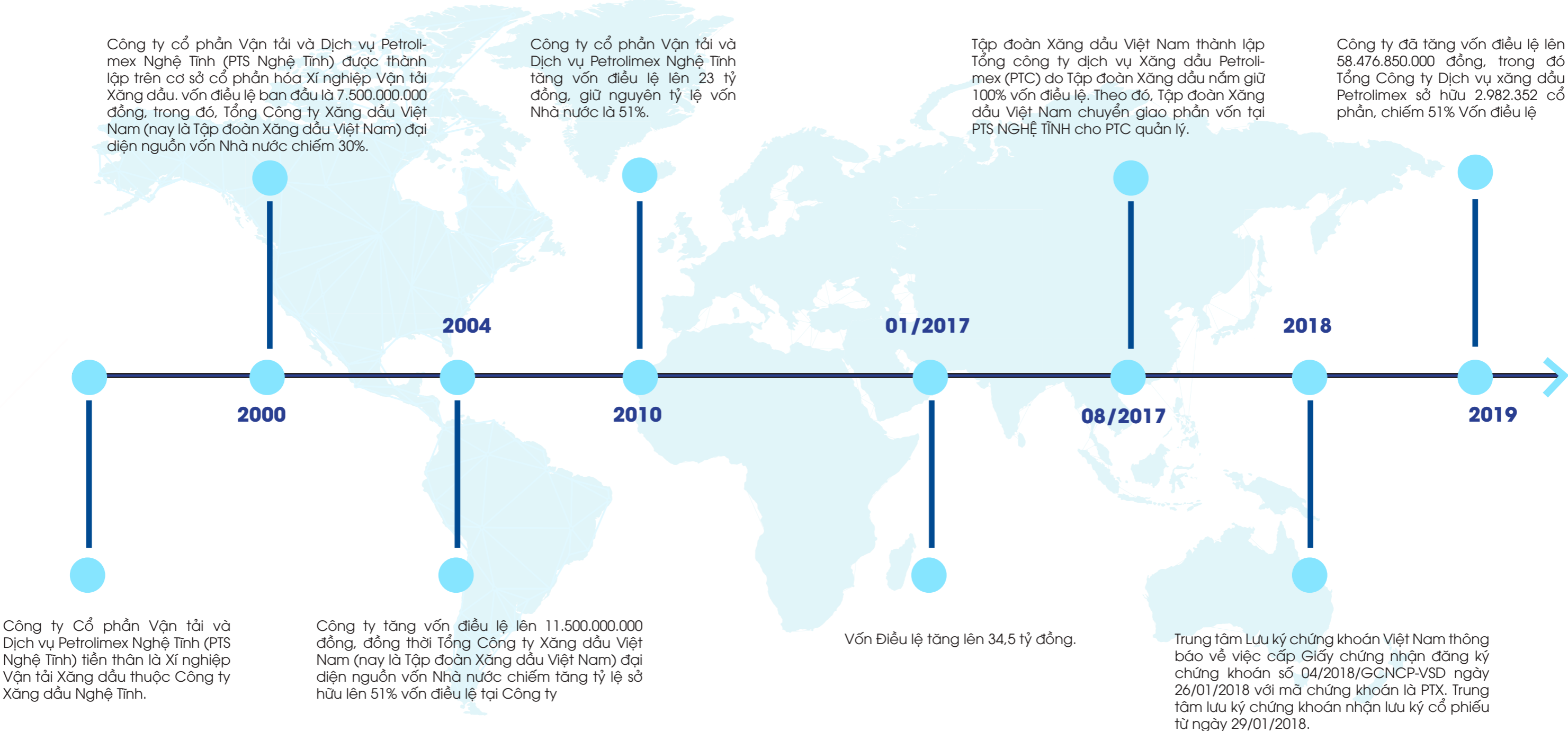
Fax: (84.238) 385 1530

Email: PTSnghetinh@yahoo.com

Mã cổ phiếu: PTX

Trụ sở chính: Xóm 13, Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Kinh doanh vận tải xăng dầu; Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy
- Dịch vụ đào tạo lái xe cơ giới đường bộ các hạng A1, B1, B2, C
- Kinh doanh: khách sạn, nhà trọ, dịch vụ ăn uống, du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế
- Chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa
- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các loại sản phẩm hóa dầu, vật tư thiết bị chuyên dùng, vật liệu xây dựng, gỗ, hàng lâm đặc sản, lương thực, thực phẩm
- Dịch vụ kỹ thuật, đại tu, sửa chữa, cải tạo phương tiện vận tải, xe máy
- Dịch vụ đào tạo nghề
- Dịch vụ điện thoại

Trong đó lĩnh vực kinh doanh vận tải xăng dầu, lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, lĩnh vực đào tạo lái xe, sửa chữa cơ khí là những lĩnh vực kinh doanh truyền thống và chủ đạo của công ty.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tập trung các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, khu vực Bắc Trung Bộ và tái xuất sang Lào

TRỤ SỞ CÔNG TY

Xóm 13, Xã Nghi Kim, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An
Điện thoại: (84 -238) 3851 915 Fax: (84 -238) 3851 886

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 102
Đường Nguyễn Thị Bích Châu, Xã Kỳ Châu, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 104
Xóm mới, Xã Thạch Bình, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 106
Tổ dân phố 1, Đường Nguyễn Hoàng Từ, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 108
Km 5+750(P) Quốc lộ 1, Đường tránh TP Hà Tĩnh, Phường Thạch Linh, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 110
Khối Tân Tiến, Phường Thạch Quý, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 112
Xóm 7, Xã Thạch Khê, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 116
Khu CK QT Cầu Treo, Xã Sơn Kim, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 118
Km 476+720(P), Xã Xuân Lĩnh, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 120
Khối 2, Thị Trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 121
Xóm Quảng Xá, Xã Trung Phúc Cường, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An

CHXD TRƯỜNG THI
Số 148, Đường Lê Hồng Phong, Phường Trường Thi, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 126
Số 379, Đường Lê Viết Thuật, Xã Hưng Lộc, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 128
Đại lộ Xóm 1, Xã Nam Lĩnh, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 138
Xóm 8, Xã Nam Thái, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 140
Xã Ngọc Sơn, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 142
Xóm 4, Xã Thanh Thủy, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 144
Xã Nghi Thạch, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 146
Xóm 7, Xã Nghi Hoa, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 148
Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 150
Xã Hiến Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 151
Xã Bảo Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 154
Khối 6, Thị Trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 156
Xóm 6, Xã Diễn Đồng, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 158
Xóm Mỹ Hậu, Xã Hưng Đông, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 160
Xóm 14, Xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

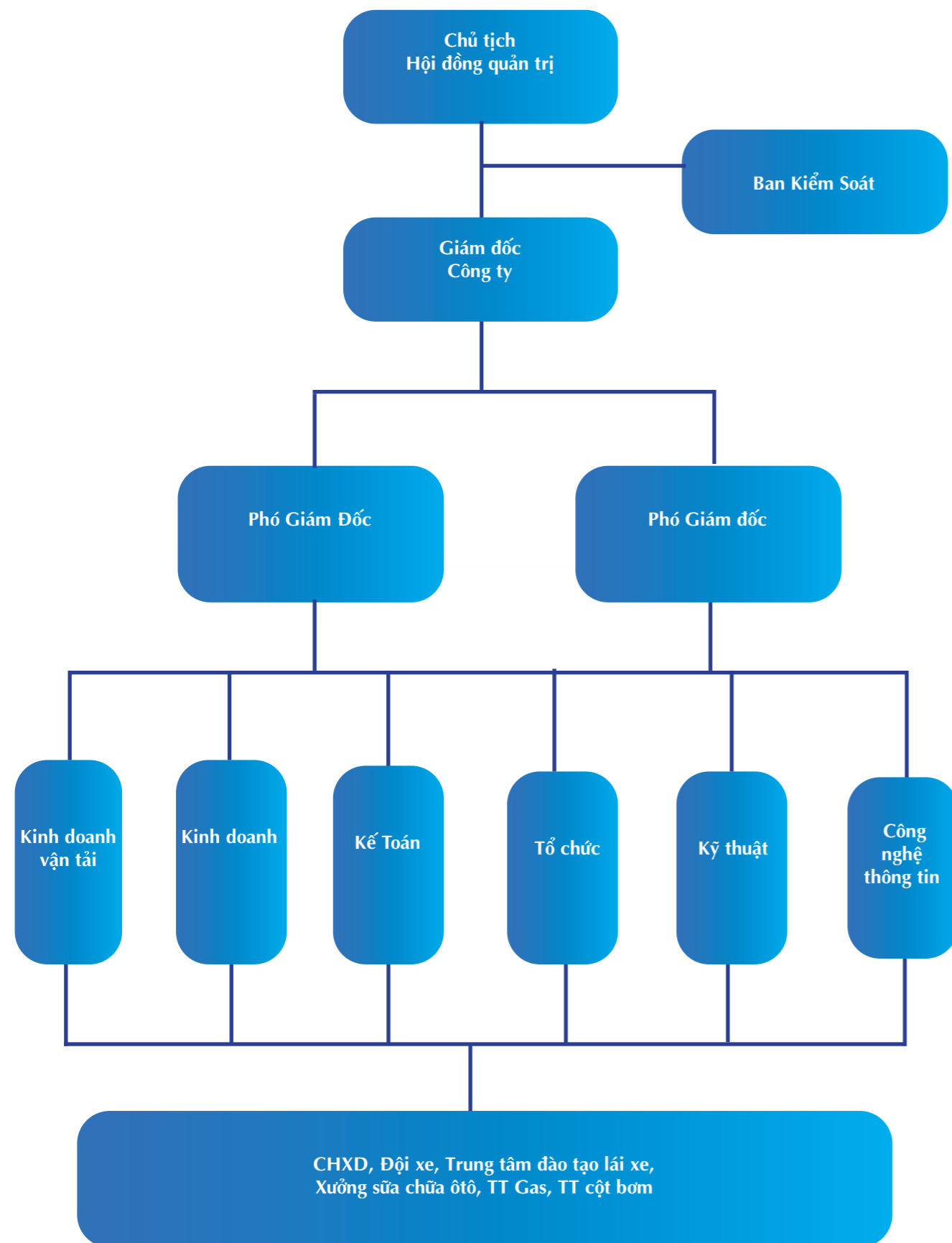
PETROLIMEX-CỬA HÀNG 162
Xóm 12, Xã Quỳnh Hậu, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 166
Xã Nghĩa Trung, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 168
Thôn Đại Thủy, Xã Trúc Lâm, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua định hướng phát triển Công ty. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và quyết định về bộ máy của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ không quá 5 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài chính của Công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc, kiến nghị những biện pháp cải tiến quản lý. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Cụ thể như sau:

Giám Đốc

Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Phó Giám Đốc

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có trách nhiệm giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê.

Các phòng, ban chức năng công ty

Phòng tổ chức hành chính

Chức năng:

Chức năng tham mưu giúp Giám đốc: Quản lý điều hành và thực hiện các chế độ chính sách (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động); hợp đồng lao động; về công tác tổ chức, cán bộ; công tác đào tạo; công tác quản lý lao động; công tác quản lý tiền lương và công tác thanh tra, pháp chế. Tham mưu giúp việc Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty; công tác thi đua tuyên truyền.

Nhiệm vụ:

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các Quy chế, Điều lệ của Công ty, chủ trương đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước hiện hành.

Nghiên cứu, xây dựng phương án, trình cấp trên sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty; xem xét và trình duyệt thành lập mới, tách, nhập, giải thể, bổ sung chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Công ty quản lý. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án trên khi được lãnh đạo Công ty xem xét và phê duyệt.

Xây dựng các văn bản phục vụ công tác quản lý đối với các đơn vị trực thuộc Công ty, cập nhật các thông tin mới nhất về chế độ chính sách của Nhà nước ban hành để dự thảo, sửa đổi, bổ sung các Quy chế bổ nhiệm cán bộ; quy chế dân chủ ở cơ sở; Điều lệ của Công ty trình các cấp có thẩm quyền.

Căn cứ vào tiêu chuẩn viên chức chuyên môn, nghiệp vụ để có kế hoạch bố trí sắp xếp, điều động tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ công nhân viên chức theo quy định hiện hành. Tổ chức đào tạo, thi tuyển đối với cán bộ viên chức, sát hạch tay nghề đối với công nhân.

Thực hiện việc quản lý cán bộ công nhân viên trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nhận xét hàng năm, nâng thưởng lương theo phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị. Quản lý hồ sơ, bổ sung lý lịch định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Phối hợp với Phòng Kinh doanh xây dựng đơn giá tiền lương; phối hợp với công đoàn, các phòng nghiệp vụ xây dựng và thực hiện Quy chế trả lương, thưởng... Hướng dẫn, theo dõi, quản lý danh sách người lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

Tổ chức công tác thanh tra, pháp chế theo yêu cầu của lãnh đạo; báo cáo định kỳ công tác này với các cơ quan có liên quan.

Tổ chức công tác thi đua tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và các cơ quan cấp trên; báo cáo công tác thi đua khen thưởng theo định kỳ và đột xuất.

Phối hợp cùng các phòng, ban chức năng xây dựng thương hiệu, sản phẩm và quảng bá hình ảnh của Công ty thông qua các đợt hội chợ, triển lãm; đăng tải thông tin hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng

Phòng tài chính kế toán

Chức năng:

Tham mưu giúp Giám đốc quản lý vốn, tài sản, công nợ, nghiệp vụ tài chính, kế toán, ngân hàng theo quy định của Nhà nước.

Nhiệm vụ:

Lập kế hoạch tài chính hàng năm trình Giám đốc phê duyệt.

Tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê theo đúng quy định của Nhà nước.

Xây dựng kế hoạch thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Lập và trình duyệt các hợp đồng vay vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh toán các chứng từ chi phí của các đơn vị thi công, kiểm soát việc chi tiêu tài chính, sử dụng vật tư và các yếu tố đầu vào của sản xuất ở các đơn vị thi công theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Quản lý hạch toán vốn, tài sản, công nợ, doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập từ hoạt động khác theo đúng quy định của Nhà nước.

Hạch toán đầy đủ, trung thực, kịp thời, có hệ thống mọi yếu tố chi phí phát sinh phục vụ công tác lập báo cáo tài chính và các báo cáo theo yêu cầu quản lý. Lập báo cáo tài chính hàng năm theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan kiểm kê vật tư, hàng hoá theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong việc hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

Thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo quy định; theo dõi danh sách cổ đông, làm thủ tục chuyển nhượng và chi trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty; chi và quản lý tiền lương, tiền thưởng cho người lao động.

Phòng quản lý kỹ thuật

Chức năng:

Tham mưu giúp việc Giám đốc về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa phương tiện vận tải, duyệt trang cấp vật tư phụ tùng cho phương tiện theo định kỳ. Lên phương án sửa chữa và cải tạo các CHXD cũng như lập dự án xây dựng cửa hàng mới đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Nhiệm vụ:

Giao nhiệm vụ và triển khai thực hiện công việc liên quan đến kỹ thuật, tìm hiểu lên kế hoạch về hiệu quả sử dụng các tài sản cố định khi thực hiện triển khai các dự án mới. Quản lý giá vật tư thiết bị đầu vào; chào giá và thoả thuận hợp đồng đối với lĩnh vực sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn.

Tổng hợp và báo cáo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác theo yêu cầu; quản lý, kiểm tra việc áp dụng các đơn giá, định mức đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng khoán nội bộ, quyết toán khoán nội bộ theo các hợp đồng kinh tế.

Phòng kinh doanh

Chức năng:

Tham mưu, giúp việc Giám đốc về công tác đấu thầu, chào giá cạnh tranh và ký kết hợp đồng kinh tế bán hàng; tiếp thị quảng cáo; phát triển thị trường.

Nhiệm vụ:

Thực hiện công tác đấu thầu hoặc chào giá cạnh tranh; soạn thảo, đàm phán các hợp đồng kinh tế bán hàng trình Giám đốc duyệt. Theo dõi và cập nhật những thông tin về các dự án đầu tư liên quan tại Việt Nam, xây dựng quan hệ với các chủ đầu tư trong các lĩnh vực Công ty quan tâm.

Thực hiện các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, phát triển mối quan hệ với các khách hàng công nghiệp nhằm nâng cao sản lượng bán buôn xăng dầu.

Thực hiện các giải pháp quản trị kinh doanh tiên tiến để nâng cao sản lượng bán lẻ xăng dầu, kết hợp với các mảng kinh doanh bổ trợ là dầu mỡ nhờn, gas và bảo hiểm Petrolimex để gia tăng hiệu quả.

Xem xét điều chỉnh định mức khoán đối với các cửa hàng, phối hợp với các phòng nghiệp vụ trong việc xây dựng và áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật.

Thực hiện điều động phương tiện vận tải để phục vụ hoạt động SXKD, thường xuyên khai thác và chăm sóc khách hàng vận tải để giữ vững và phát triển thị phần.

Thường xuyên đôn đốc việc thu hồi công nợ, đánh giá năng lực khách hàng khi thực hiện giao kết hợp đồng.

Phòng công nghệ thông tin

Chịu trách nhiệm về công tác quản trị toàn hệ thống.

Xây dựng hoặc hợp tác để xây dựng các phần mềm quản trị tiên tiến để nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý.

Đảm bảo tình trạng hoạt động tốt nhất đối với hệ thống máy móc thiết bị của Công ty.

Phòng kinh doanh vận tải.

Chức năng:

Lập kế hoạch và tổ chức điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh về lĩnh vực vận tải của Công ty đảm bảo hoàn thành tốt mục tiêu nhiệm vụ đề ra và đạt hiệu quả cao.

Lập kế hoạch Marketing: Kế hoạch quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi và chăm sóc khách hàng. Qua đó xây dựng và phát triển hình ảnh Công ty.

Nhiệm vụ:

Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp về thị trường kinh doanh vận tải xăng dầu nội địa, xăng dầu tái xuất Lào.

Quản lý phương tiện đội xe nội địa, đội xe Lào để thực hiện nhiệm vụ hoạt động vận chuyển xăng dầu, FO.

Giao dịch, phối hợp với các Công ty Xăng dầu, các đơn vị liên quan để hoàn chỉnh các hồ sơ thủ tục và tổ chức vận chuyển.

Phối hợp với các Phòng ban để quản lý, giám sát và đề xuất các định mức của phương tiện, lập kế hoạch thay thế hoặc đầu tư mới phương tiện.

Xây dựng giá cước vận tải, năng lực vận tải theo từng thời điểm trên cơ sở đảm bảo hiệu quả cao cho Công ty.

Soạn thảo, làm thủ tục ký kết các hợp đồng vận chuyển với các Công ty xăng dầu, các khách hàng đại lý, bán buôn...

Thực hiện giám sát, thanh tra phương tiện vận tải.

Phối hợp với các Phòng ban, xưởng để sửa chữa, xử lý tai nạn, thủ tục bảo hiểm và các thủ tục giấy tờ (trancit, logo phù hiệu...) cho phương tiện.

Phối hợp, làm việc với các cơ quan chức năng liên quan đến lĩnh vực vận tải của Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến lĩnh vực vận tải và các nhiệm vụ khác do Giám đốc yêu cầu.

Công ty con, công ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

01 Không ngừng cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm: Với mục tiêu trở thành đơn vị hàng đầu về cung cấp xăng dầu và các dịch vụ về xăng dầu trong khu vực Bắc Trung Bộ.

02 Lấy khách hàng làm trọng tâm: PTS Nghệ Tĩnh cam kết phấn đấu nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng. PTS Nghệ Tĩnh lấy tín nhiệm của khách hàng làm mục đích để hoạt động. Chúng tôi cam kết giao sản phẩm đúng chất lượng, đủ số lượng và kịp tiến độ.

03 Luôn luôn năng động, sáng tạo: Trong môi trường cạnh tranh quyết liệt, để tồn tại và phát triển PTS Nghệ Tĩnh phải luôn luôn năng động và sáng tạo. Trong công ty, chúng tôi tạo một môi trường làm việc thoải mái, chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể tự do phát huy hết khả năng. Ngoài công ty, chúng tôi sử dụng những chính sách ứng biến linh hoạt đối với những biến động của thị trường.

RỦI RO

01 Rủi ro kinh tế

Năm 2022 là năm rất khó khăn với doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu. Hầu hết doanh nghiệp trong chuỗi kinh doanh và phân phối xăng dầu đều bị thua lỗ, cắt giảm sản lượng kinh doanh.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 10 tháng năm 2022, Việt Nam nhập khẩu gần 10 triệu tấn dầu thô, trị giá gần 6,5 tỷ USD, tăng 20,3% về lượng và tăng 60,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Ngoài ra, cả nước còn nhập trên 7,1 triệu tấn xăng dầu, trị giá 7,34 tỷ USD, tăng lần lượt 22,8% và 123,8% so với cùng kỳ.

Ngay sau khi bùng phát xung đột Nga - Ukraine, giá xăng dầu tăng chóng mặt. Chỉ từ tháng 2 đến tháng 6, giá xăng dầu tăng khoảng 60% - 70% so với trước đó. Từ tháng 7 trở đi, giá xăng lại giảm xuống 20% rồi sau tăng 7% - 8%, thể hiện sự biến động quá nhanh của thị trường, thậm chí thay đổi hàng ngày lên xuống rất nhanh.

Nhiều doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ nên nhiều nơi xuất hiện tình trạng thiếu hụt xăng dầu. Ban đầu chỉ xuất hiện tại TP.HCM và các tỉnh phía Nam, nhưng sau đó lan dần ra các tỉnh phía Bắc, rồi lan rộng ra cả nước. Chính những tác động này cũng gây ra những rủi ro tiềm ẩn tác động đến kinh tế của Công ty.

02 Rủi ro tài chính

Rủi ro tỷ giá: Do sự trao đổi thương mại bằng các đồng tiền khác nhau tệ nên tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp dầu khí.

Rủi ro lãi suất: Do các dự án dầu khí đòi hỏi nguồn vốn lớn nên rủi ro về huy động vốn đối với doanh nghiệp cũng rất lớn. Các dự án dầu khí có quy mô lớn thường do ngân hàng quốc tế uy tín hoặc các ngân hàng thương mại trong nước hợp vốn cho vay. Do vậy, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí đầu tư dự án.

Rủi ro tín dụng xuất phát từ việc nghĩa vụ thanh toán của các đối tác. Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các khoản nợ trong hợp đồng. Điều này gây tổn thất rất lớn lên tài chính của Công ty. Trong đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro rất lớn mà công ty thường xuyên phải đối mặt. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện. Việc vận dụng không phù hợp hoặc không kịp thời sẽ tạo nên các rủi ro trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến việc cấp phép đầu tư vào dự án mà Công ty đang tham gia. Hàng năm, Công ty Vận Tải và Dịch Vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh luôn chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa vào kế hoạch phát triển kinh doanh, giúp công ty hạn chế tối đa được những tác động tới từ yếu tố rủi ro này.



Rủi ro biến động giá

Với đặc thù kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty nên biến động giá xăng dầu gây ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó phí vận chuyển tăng cao và còn có những doanh nghiệp thống lĩnh thị trường, dẫn đến thị trường chưa có sự cạnh tranh thực sự, buộc nhà nước phải quy định giá.

Trong đó, nhà nước quy định giá cơ sở, thực chất là giá trần để các doanh nghiệp không được phép bán vượt qua. Khi đó buộc cơ cấu giá bán lẻ xăng dầu phải do Nhà nước xác định cụ thể, có một yếu tố hết sức quan trọng đó là Premium, là yếu tố giá được xác định trong hợp đồng xuất, nhập khẩu, là phần lợi nhuận người mua phải trả cho người bán. Thời gian gần đây, Công ty ngày càng quan tâm đến quản trị rủi ro để ứng phó kịp thời trước những biến động đối với mặt hàng chiến lược xăng dầu. Đây là một trong những mặt hàng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ xung đột chính trị, xung đột thương mại và biến động tỷ giá trên thế giới.

Rủi ro về an toàn lao động

Do đặc tính của các sản phẩm xăng dầu và các quy trình mang tính rủi ro cao liên quan đến hoạt động tại các cơ sở, các nguy cơ an toàn an ninh luôn là một vấn đề tiềm ẩn. Công ty luôn thực hiện các biện pháp đảm bảo tối ưu an toàn cho người lao động, tiến hành các hoạt động kiểm tra định kỳ để giảm thiểu bất kỳ tác động nào tới hoạt động tại kho xăng dầu.

Rủi ro về công nghệ

Nhu cầu về nguyên vật liệu ngày càng tăng, về mặt quản lý an toàn vận chuyển và lưu trữ cũng được thắt chặt. Trước tình hình như vậy, ngành Xăng dầu cần có giải pháp về các yếu tố chất lượng dịch vụ, đầu tư công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu của thị trường.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu cổ động, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành

Thị trường xăng dầu thế giới năm 2022 diễn biến phức tạp, giá biến động bất thường với biên độ lớn và kéo dài do tác động của các yếu tố địa chính trị, nhất là kể từ khi cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine xảy ra từ tháng 2/2022 càng gây khủng hoảng về nguồn cung xăng dầu trên toàn thế giới. Trong khi đó, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu 20-30% lượng xăng dầu thành phẩm phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa và nhập khẩu nguyên liệu dầu thô để phục vụ hoạt động sản xuất xăng dầu thành phẩm của 2 NMLD Bình Sơn và Nghi Sơn. Trước những ảnh hưởng đó, công tác điều hành thị trường xăng dầu trong nước đã phải đối mặt với nhiều tình huống bất cập... dẫn đến tình trạng một số doanh nghiệp thiếu nguồn cung và chủ động tạm dừng bán hàng để giảm lỗ, nhu cầu dồn về Petrolimex khiến cho sản lượng tiêu thụ của Tập đoàn tăng mạnh trên tất cả các kênh bán hàng, đặc biệt là kênh bán lẻ trực tiếp cũng như nhu cầu mua hàng từ các thương nhân nhận quyền bán lẻ thuộc hệ thống phân phối của Petrolimex không ngừng tăng cao.

Trong tỉnh, mặc dù bị tác động bởi nhiều khó khăn, thách thức nhưng tình hình kinh tế xã hội năm 2022 vẫn đạt được những kết quả tích cực với 27/28 chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An (GRDP) tăng 9,08%.

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo sản phẩm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Lợi nhuận gộp	2021		2022	
	Giá trị	Tỷ trọng % LNG	Giá trị	Tỷ trọng % LNG
Vận tải	7,974	8%	14,689	12,39%
Xăng dầu sáng	82,102	81%	87,707	74%
DMN	1,540	2%	1,278	1,08%
Gas	2,215	2%	1,834	1,55%
TTĐTSHLX	7,252	7%	12,994	10,96%
Kinh doanh khác			15	0,01%
Tổng	101,083		118,517	

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Doanh thu	2021		2022	
	Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT
Doanh thu vận tải	89,476	7%	124,711	5,7 %
Doanh thu xăng dầu sáng	1,118,411	88%	2,004,501	91,1 %
Doanh thu DMN	9,180	1%	11,311	0,5%
Doanh thu Gas	13,234	1%	14,099	0,6 %
Doanh thu TTĐTSHLX	26,373	2%	37,638	1,7 %
Doanh thu kinh doanh khác	7,137	1%	7,462	0,3 %
Tổng	1,263,982		2,199,722	

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% Thực hiện/Kế hoạch
Doanh thu thuần	1,441	2,176	151,01%
Lợi nhuận trước thuế	8,78	12,57	143,1%

Kết thúc năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2021 đạt gần 2.176 tỷ đồng, vượt 51 % kế hoạch đề ra; lợi nhuận trước thuế đạt gần 12,57 tỷ đồng, vượt 43 % kế hoạch đề ra.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2021	2022	% tăng/giảm
Tổng tài sản	192.338	199.812	3,89%
Doanh thu thuần	1.226.912	2.176.896	77,43%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	11.090	12.469	12,43%
Lợi nhuận khác	327	102	-68,95%
Lợi nhuận trước thuế	11.417	12.570	10,10%
Lợi nhuận sau thuế	9.107	10.264	12,71%

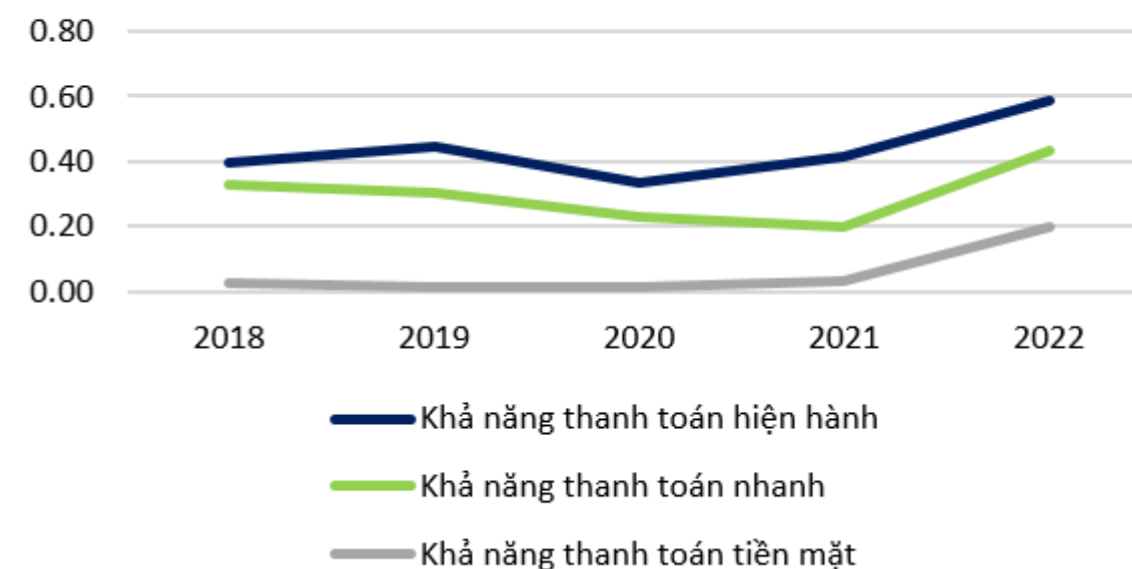
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản

	2018	2019	2020	2021	2022
Khả năng thanh toán hiện hành	0.40	0.44	0.34	0.41	0.59
Khả năng thanh toán nhanh	0.33	0.30	0.23	0.20	0.43
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.03	0.02	0.02	0.03	0.20

Các chỉ tiêu về khả năng thanh khoản của công ty luôn duy trì ổn định và có sự cải thiện dần trong các năm gần đây. Chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện hành mặc dù tăng nhưng vẫn chưa đạt mức lớn hơn 1. Điều này là do công ty duy trì khoản mục nợ ngắn hạn ở mức cao để cân đối nguồn vốn cũng như giảm chi phí lãi vay. Nhìn chung, năm 2022 các chỉ số này đã có những chuyển biến tích cực so với năm 2021, công ty không gặp khó khăn trong việc thanh toán cả khoản nợ ngắn hạn. Thời gian tới, Ban lãnh đạo công ty sẽ tiếp tục cố gắng những chính sách phù hợp với tình hình mới nhằm cải thiện sức khỏe tài chính của công ty.

Khả năng thanh khoản



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

	2018	2019	2020	2021	2022
Hệ số nợ trên VCSH	3.46	2.31	1.92	1.41	1.40
Hệ số nợ trên tổng nguồn vốn	0.78	0.70	0.66	0.58	0.58
Khả năng thanh toán lãi vay	0.72	0.71	0.87	4.96	5.13
Đòn bẩy tài chính	4.16	3.79	3.12	2.66	2.40

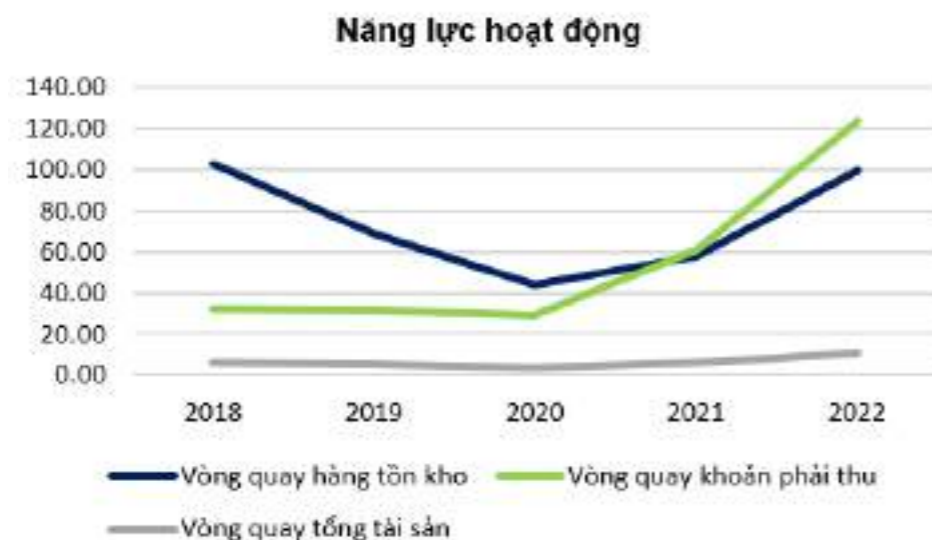
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu sụt giảm tương đối mạnh trong giai đoạn 2018 - 2022. Đây là một tín hiệu tích cực khi tỷ lệ vay nợ của công ty đang giảm dần, thay vì phụ thuộc vào nguồn vốn huy động từ bên ngoài công ty đã và đang tự chủ hơn, sử dụng nguồn lực tự có. Xu hướng này chứng tỏ rằng công ty đã đang và sẽ quản lý rủi ro từ các khoản nợ ngày một tốt hơn. Trong 2 năm gần đây là 2021 và 2022, chỉ tiêu Khả năng thanh toán lãi vay tăng đáng kể, điều này là do công ty giảm vay nợ nên chi phí lãi vay thấp hơn, thêm vào đó là sự tăng trưởng mạnh về lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh. Nhìn chung, năng lực tài chính của công ty đã có sự chuyển biến tích cực rõ rệt, công ty hoàn toàn có đủ khả năng để ứng phó các khoản nợ vay ngay cả trong tình huống khẩn cấp.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

	2018	2019	2020	2021	2022
Vòng quay hàng tồn kho	102.64	68.39	44.02	58.02	99.46
Vòng quay khoản phải thu	32.10	31.95	29.23	60.88	123.53
Vòng quay tổng tài sản	5.75	5.05	3.92	5.94	11.10

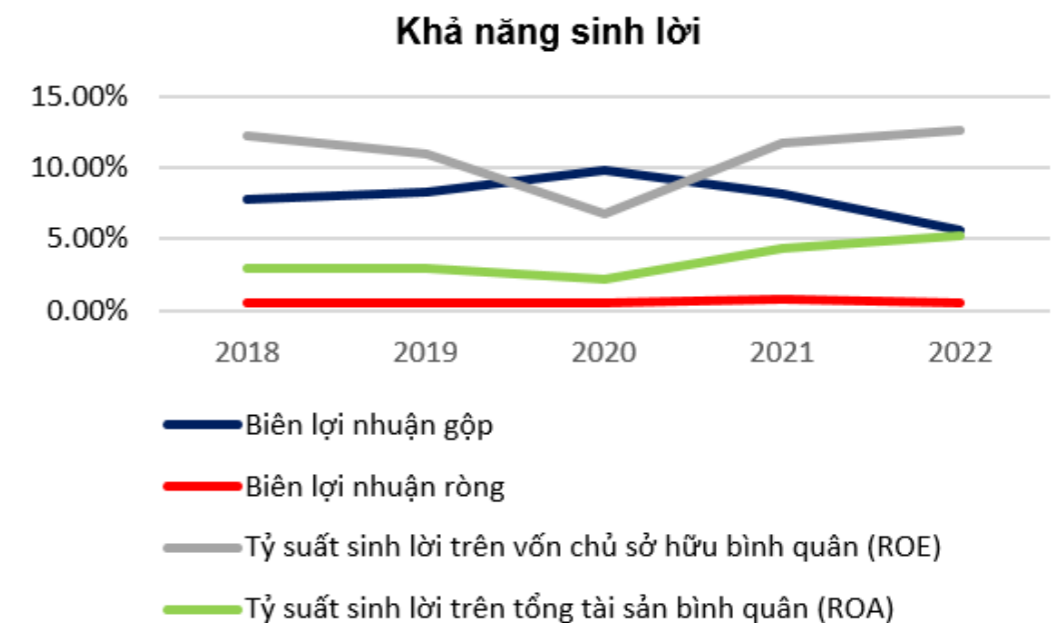
Cả 3 chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều tăng mạnh trong năm 2022 so với năm 2021. Điều này xuất phát từ sự linh hoạt trong kế hoạch và phương hướng sản xuất kinh doanh để phù hợp hơn với thực trạng của công ty và tình hình chung của nền kinh tế. Vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh là do doanh thu năm 2022 đã tăng gần gấp đôi so với 2021, thêm vào đó là ảnh hưởng của thị trường xăng dầu thế giới đã khiến cho giá vốn hàng hóa tăng mạnh, trong khi hàng tồn kho bình quân thay đổi không nhiều. Tương tự, doanh thu tăng mạnh dẫn tới số vòng quay khoản phải thu cũng tăng theo. Số vòng quay tổng tài sản tăng 5 vòng là một tín hiệu tốt, điều này chứng tỏ công ty đã tận dụng tối đa và sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra sự thay đổi tích cực trong doanh thu.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

	2018	2019	2020	2021	2022
Vòng quay hàng tồn kho	70.80%	8.30%	9.85%	8.24%	5.62%
Vòng quay hàng tồn kho	0.51%	0.57%	0.56%	0.74%	0.47%
Tỷ suất sinh lời trên VCSH bình quân (ROE)	12.23%	11.00%	6.80%	11.71%	12.59%
Tỷ suất sinh lời trên TSH bình quân (ROA)	2.94%	2.90%	2.18%	4.41%	5.23%

Mặc dù doanh thu tăng trưởng ấn tượng trong năm 2022, tuy nhiên biên lợi nhuận gộp của công ty lại sụt giảm do giá vốn hàng bán tăng mạnh. Điều này xuất phát từ diễn biến phức tạp của thị trường xăng dầu thế giới, giá biến động bất thường với biên độ lớn và kéo dài do tác động của các yếu tố địa chính trị, nhất là kể từ khi cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine xảy ra từ tháng 2/2022 càng gây khủng hoảng về nguồn cung xăng dầu trên toàn thế giới. Tại Việt Nam, nhu cầu đi lại sau dịch tăng cao và dịch vụ du lịch, giao thông vận tải đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong khi nguồn cung bị ảnh hưởng cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới giá xăng dầu tăng mạnh. Biên lợi nhuận ròng sụt giảm cũng là do bị ảnh hưởng bởi thực trạng này. Tuy vậy, một điểm tích cực là chỉ tiêu ROE, ROA của công ty luôn ở trong trạng thái khả quan và tiếp tục tăng so với năm 2021 thể hiện sự hiệu quả trong việc sử dụng vốn chủ sở hữu và tài sản của công ty.

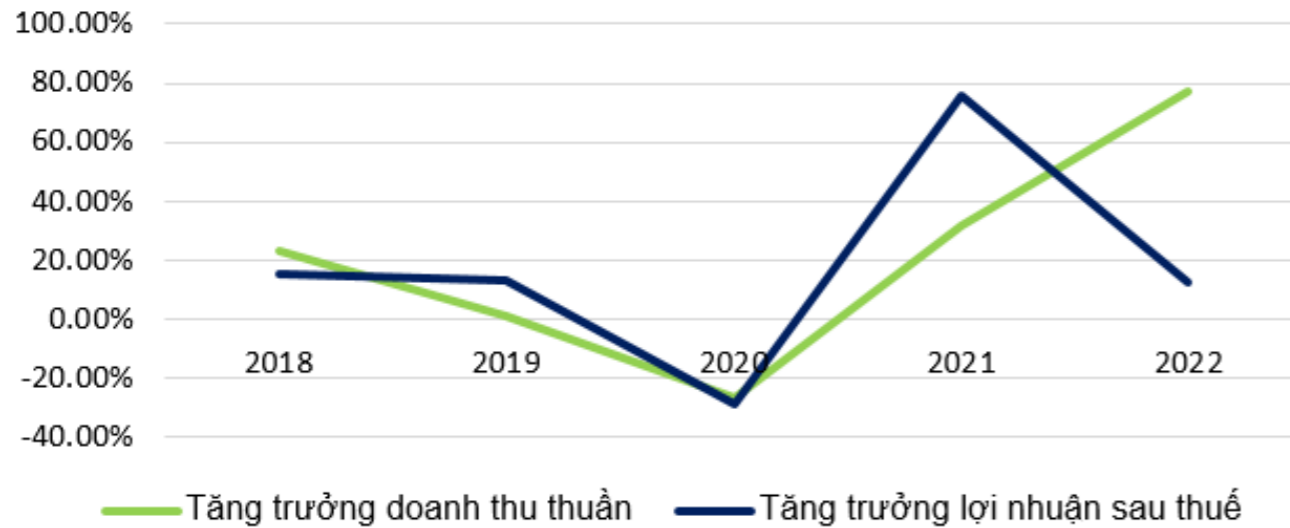


Chỉ tiêu tăng trưởng

	2018	2019	2020	2021	2022
Tăng trưởng doanh thu thuần	22.84%	0.93%	-26.39%	31.84%	77.43%
Tăng trưởng LNST	15.32%	13.39%	-28.72%	75.88%	12.71%

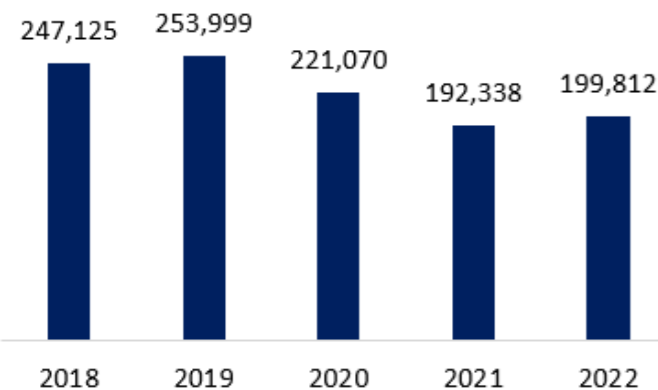
Mặc dù thị trường xăng dầu có những biến động mạnh nhưng trong năm 2022 công ty vẫn duy trì được tăng trưởng dương trong doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế so với năm 2021. Nhìn chung, sự tăng trưởng phụ thuộc lớn vào tình hình chung của thị trường xăng dầu trong nước và thế giới.

Tốc độ tăng trưởng

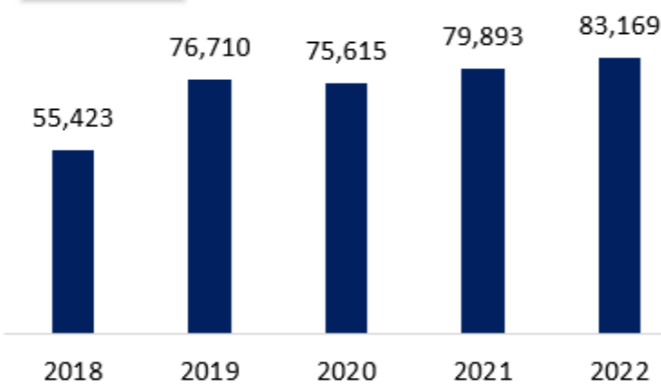


Một số chỉ tiêu khác

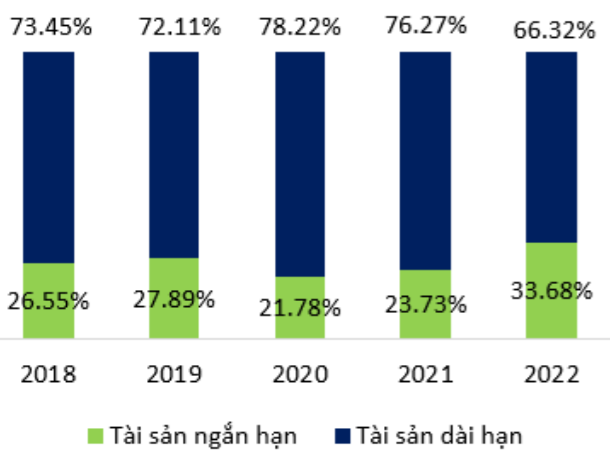
Tổng tài sản qua các năm



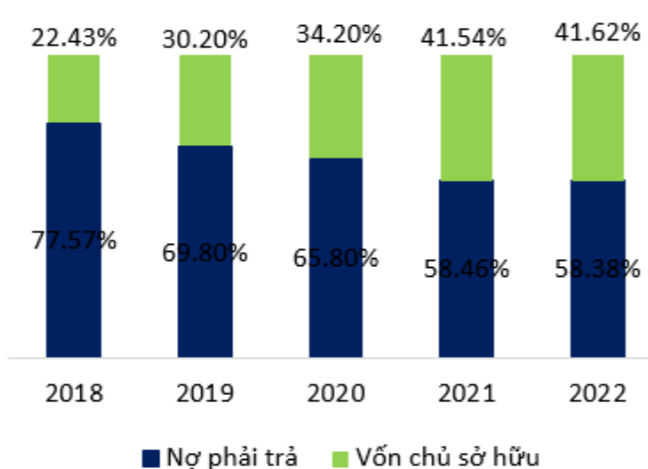
Vốn chủ sở hữu qua các năm



Cơ cấu tài sản



Cơ cấu nguồn vốn



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tên công trình	Giá trị đầu tư (sau thuế)
Xây dựng cơ bản	18.650.090.709
Xây dựng mới	14.831.822.191
Xây mới CHXD Hưng Đông (123)	3.260.758.031
CHXD Thạch Sơn (114)	4.475.582.189
Xây mới CHXD Nam Phúc	6.947.466.516
Bãi tập xe Hưng Đông	148.015.455
Sửa chữa lớn	3.818.268.518
Sửa chữa CHXD Nghi Long (148)	589.700.926
Sửa chữa CHXD Anh Sơn (154), CHXD Chi Khê (158).	472.213.889
Nâng cấp CHXD Nam Thái (138), Thanh Thủy (142)	957.902.778
Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu các CHXD số Hưng Lộc (126); Nghi Phú (128); Hưng Đông (132); Nam Giang (134); Nghi Hoa (146)	892.765.740
Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu các CHXD số 108;118;140;154	905.685.185
Máy móc thiết bị	593.348.148
Cột bơm	487.100.000
Máy phát điện	106.248.148
Khác	1.640.450.909
Mua sắm xe ô tô Camry	1.361.563.636
Phần mềm OFFICE	100.000.000
Hệ thống màn hình LED	178.887.273
Cộng (A+B)	20.883.889.766

Trong đó:

Công trình đã quyết toán hoàn thành đưa vào sử dụng: 12.999.534.091.
 Công trình đang dang dở đã giải ngân đến nay: 7.884.355.675

Đang triển khai thủ tục những dự án sau:

CHXD Hưng Đông mới (đường 72m, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, Nghệ An): Ước tính khối lượng thi công xây dựng đạt 85%, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động tháng 1/2023.

Mở rộng sân tập lái tại Hưng Đông: Đang đền bù đất đai và làm thủ tục gia hạn tiến độ chủ trương đầu tư.

CHXD Thạch Sơn: Ước tính khối lượng thi công xây dựng đạt 40%, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động tháng 2/2023.

CHXD Thạch Bình (Petrolimex-Cửa hàng 104): Công ty đang tích cực tìm kiếm địa điểm để di dời CHXD, phối hợp chặt chẽ với UBND thành phố Hà Tĩnh, các Sở, ngành để làm thủ tục đền bù tài sản trên đất, di chuyển cửa hàng. Tiến độ di dời phụ thuộc vào tiến độ thực hiện dự án của Tập đoàn T&T, tuy nhiên dự kiến trong năm 2023 có thể sẽ phải di dời CHXD Thạch Bình.

Kho nhiên liệu bay: Hiện Công ty PA đang tính toán, cân nhắc các vấn đề liên quan đến dự án và sẽ tiếp tục có các cuộc họp với PTS Nghệ Tĩnh để triển khai các bước tiếp theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu ban lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

Ông HOÀNG CÔNG THÀNH

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp ĐH Xây Dựng

SLCP năm giữ: 188,215 CP tương đương 3.22% VDL

11/1992 - 09/1997 : Chuyên viên Phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh.

10/1997 - 02/2001: Phó trưởng phòng Quản lý kỹ thuật, công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh.

03/2001 - 04/2002: Quyền trưởng Phòng Quản lý Kỹ thuật, công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh.

05/2002-08/2003: Trưởng phòng quản lý kỹ thuật, Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh

09/2003 - 07/2004: Học Cao cấp lý luận chính trị

08/2004 : Trưởng Phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh

09/2004 - 06/2010: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh

07/2010 - 06/2012: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Nghệ An

07/2012 - 5/2013 Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh

5/2013 - 2/2019: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty PTS Nghệ Tĩnh

03/2018 đến 9/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm GB Công ty PTS Nghệ Tĩnh

10/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty PTS Nghệ Tĩnh

02

Ông MẠNH XUÂN HÙNG

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

SLCP năm giữ: 51,510 CP tương đương 0.88% VDL

09/1994 - 08/1996: Công tác tại Ủy ban Dân số tỉnh Nghệ An

09/1996 - 09/2000: Công tác tại Xí nghiệp Vận tải Cơ khí thuộc PTS Nghệ Tĩnh

10/2000 - 01/2004: Phó Trưởng Phòng Tổ chức hành chính - Công ty PTS Nghệ Tĩnh

02/2004 - 06/2007: Phó Trưởng Phòng Kinh doanh - Công ty PTS Nghệ Tĩnh

07/2007 - 02/2011: Trưởng Phòng Kinh doanh - Công ty PTS Nghệ Tĩnh

03/2011 - 9/2020: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

10/2020 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

03

Ông ĐÀO NGỌC TIẾN

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

SLCP năm giữ: 68,014 CP tương đương 1.16% VDL

11/2004 - 10/2010 Chuyên viên kế toán tổng hợp, Phòng kế toán Công ty Xăng Dầu Nghệ Tĩnh.

11/2010 - 03/2012 Phó trưởng phòng kế toán tài chính, Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

04/2012 - 04/2013 Phó trưởng phòng, Phụ Trách Kế toán tài chính, Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

04/2013 - 05/2014 Trưởng phòng Kế toán tài chính, Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

06/2014 - nay Kế toán trưởng PTS Nghệ Tĩnh

04/2017 - nay Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng công ty PTS Nghệ Tĩnh.

05

Ông VÕ ANH TUẤN

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

SLCP năm giữ: không

12/1994 - 05/1995 Chuyên viên Phòng Kế toán tài chính Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh.

05/1995 - 11/1995 Nghiệp vụ Cửa hàng xăng dầu Cửa Lò Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh.

11/1995 - 04/2002 Chuyên viên Phòng Kế toán tài chính Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh.

05/2002 - 10/2007 Phó trưởng Phòng Kế toán tài chính Công ty Xăng dầu Nghệ An.

04

Ông HOÀNG VĂN TUYẾN

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

SLCP năm giữ: không

07/2007 - 11/2007 Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC), Bộ Xây Dựng.

12/2007 - 11/2008 Chuyên Viên phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán EuroCapital (Hà Nội).

12/2008 - 09/2017 Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

07/2013 - 10/2017 Kiểm soát viên Công ty xăng dầu Cà Mau, Công ty xăng dầu Thanh Hóa.

07/2013 - nay Kiểm soát viên Tổng công ty Vận tải Thủy O10Petrolimex (kiêm nhiệm).

10/2017 - nay Phó trưởng phòng Phụ trách Tài chính Kế Toán, Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex.

11/2017 - nay Bí thư chi bộ Tài chính Kế toán Tổng công ty, Ủy viên Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex.

29/01/2018 - nay Ủy viên Ban Chấp hành lâm thời Công đoàn Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex.

03/2018 - nay Thành viên Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh.

11/2007 - 10/2011 Trưởng Phòng Kế toán tài chính Công ty Xăng dầu Nghệ An.

11/2011 - 10/2013 Kế toán trưởng Công ty xăng dầu Nghệ An.

11/2013 - nay Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Nghệ An.

03/2018 - nay Thành viên Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh.

BAN KIỂM SOÁT

01 Ông TRẦN ANH TUẤN

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, CNTT

SLCP năm giữ: 10,226 CP tương đương 0,17% VDL

2004 - 3/2016 Chuyên viên phòng Kế toán tài chính.

04/2016 - 03/2017 Chuyên viên phòng Kế toán tài chính kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty.

04/2017 - nay Trưởng ban Kiểm soát công ty

03 Ông THÁI VĂN LINH

Chức vụ: Thành viên BKS

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình

SLCP năm giữ: 16,695 CP tương đương 0,29% VDL

11/2013 - 04/2016: Kỹ sư xây dựng công ty TNHH Tân Hưng

04/2016 - 08/2020: Chuyên viên phòng Quản lý Kỹ thuật Công ty PTS Nghệ Tĩnh

08/2020 - nay: Phó Trưởng Phòng Quản lý kỹ thuật Công ty PTS Nghệ Tĩnh

04/2021 - nay: Thành viên BKS Công ty PTS Nghệ Tĩnh

02 Ông NGUYỄN TRÍ DŨNG

Chức vụ: Thành viên BKS

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

SLCP năm giữ: 38,761 CP tương đương 0,66% VDL

03/2006 - 10/2012 Chuyên viên phòng Kế toán tài chính, Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

10/2012 - 04/2014 Giám đốc trung tâm thiết bị chuyên dùng, Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

05/2014 - 06/2016 Phó trưởng phòng kinh doanh, Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

10/2016 - nay Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

04/2017 - nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty PTS Nghệ Tĩnh.

BAN GIÁM ĐỐC

(*) Ông MẠNH XUÂN HÙNG - Giám đốc

đã nêu ở trên



01 Ông TRƯƠNG HỒNG TOÀN

Chức vụ: Phó Giám đốc

Năm sinh: 1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kế toán - HVTC

SLCP năm giữ: 51,510 CP tương đương 0,88 % VDL

Chuyên viên phòng TCKT - Công ty Xăng dầu B12

Trưởng phòng Kế toán Kinh doanh - Chi nhánh Xăng dầu Hà Tĩnh, Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh

Trưởng phòng Kế toán tài vụ - Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh

Phó trưởng kho xăng dầu Bến Thủy - Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh

Trưởng phòng Kế toán tài chính - Công ty Vật tư tổng hợp Tây Ninh

Phó Giám đốc - Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

02 Ông NGUYỄN HỒNG LAM

Chức vụ: Phó Giám đốc

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kinh tế thương mại

SLCP năm giữ: 5,525 CP tương đương 0,09% VDL

04/2008 - 07/2010: Chuyên viên Phòng Kinh Doanh

08/2010 - 05/2011: Cửa hàng trưởng CHXD Nghi Long

06/2011 - 08/2011: Chuyên viên Phòng Kinh Doanh

09/2011 - 04/2014: Phó Trưởng Phòng Kinh Doanh

05/2014 - 03/2015: Phó trưởng phòng, phụ trách phòng kinh doanh

04/2015 - 12/2022: Trưởng phòng Kinh doanh

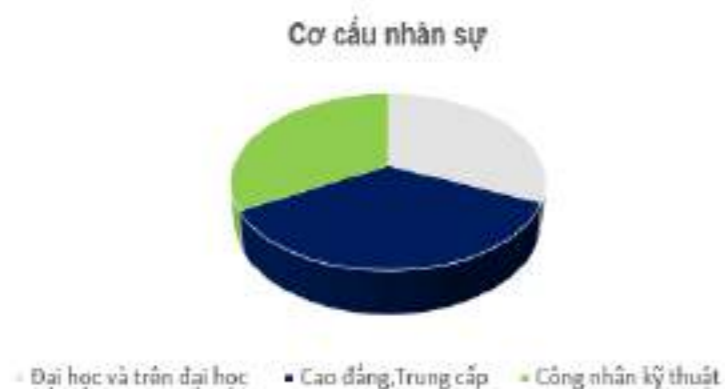
01/2023 đến nay: Phó Giám đốc công ty



Nhân sự và chính sách nhân sự

Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2022

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trình độ đại học	132	31.58%
Trình độ cao đẳng, trung cấp	148	35.41%
Trình độ sơ cấp, CNKT	138	33.01%
Công nhân phổ thông và lao động khác	0	0
Tổng	418	



Tóm tắt chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng

Thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao, mọi thông tin tuyển dụng đều được truyền tải đến mọi ứng viên thích hợp cho vị trí tuyển dụng. Mục đích thu hút những ứng viên mới có tiềm năng cũng đang là mục đích nhìn nhận sự phát triển của toàn bộ Công ty.

Chính sách thu hút nhân tài

Chính sách đãi ngộ nhân viên ở mỗi cấp độ khác nhau phải đáp ứng được những yêu cầu của Công ty, đáp ứng nhu cầu của nhân viên, tạo mức cạnh tranh trong thị trường lao động, nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở và điều kiện thực tế của Công ty, mang lại công bằng trong những cơ hội nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam hiện hành.

Chính sách lương

Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường. Nâng bậc lương đối với cán bộ gián tiếp đúng thời hạn, ngạch bậc và kịp thời. Xét và tổ chức thi nâng bậc đối với công nhân, các cấp bậc cán bộ công nhân viên theo đúng quy định.

Chính sách đào tạo

Tất cả những ứng viên khi được lựa chọn là thành viên của Công ty sẽ được hưởng những cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn. Công ty hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Công tác đào tạo của Công ty sẽ tuân thủ theo mục tiêu của từng bộ phận, dựa vào nguồn lực hiện có và cả mục tiêu nghề nghiệp của nhân viên.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Vốn điều lệ: 58.476.850.000 đồng

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần: 5.847.685 đồng

Số cổ phiếu đang lưu hành: 5.847.685 đồng

Trong đó

Tự do chuyển nhượng: 0

Hạn chế chuyển nhượng: 0

Cổ phiếu quỹ: 0



Cơ cấu cổ đông

Tên cổ đông	SLCP	Giá trị	Tỷ lệ	SLCĐ
Cổ đông lớn	3,442,577	34,425,770	58.87%	4
Cổ đông nhỏ	2,405,108	34,425,770	41.13%	321
Tổng	5,847,685	58,476,850	100.00%	325
Cổ đông trong nước	5,847,685	58,476,850	100.00%	325
Cổ đông nước ngoài	-	-	0.00%	0
Cổ đông phiếu quỹ	-	-	0.00%	0
Tổng	5,847,685	58,476,850	100.00%	0.00%
Cổ đông tổ chức	2,982,352	29,823,520	51.00%	1
Cổ đông cá nhân	2,865,333	28,653,330	49.00%	324
Cổ phiếu quỹ	-	-	0.00%	0
Tổng	5,847,685	58,476,850	49.00%	0

Danh sách cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	SLCP	TLSH/VĐL (%)
Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex	229 Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	2.982.352	51%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng	Căn cứ
2000	-	7.500.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận ĐKDN số 2900428497 do SKH&ĐT Nghệ An cấp lần đầu 06/12/2000
2004	7.500.000.000	11.500.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2004
2010	11.500.000.000	23.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ về tăng vốn ngày 30/04/2010
2017	23.000.000.000	34.500.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc tăng vốn số 151/PTSNT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2016;
2019	38.984.570.000	58.476.850.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 583/PTX-NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2018

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Phương hướng phát triển năm 2022

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Kết quả thực hiện năm 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022		SL thực hiện		Tỷ lệ % so với	
		2021	2022	KH	2021		
Sản lượng thực hiện							
Vận tải	M3Km	53,008,479	50,634,973	66,328,976	135	121	
Xăng dầu sáng	M3	73,225	71,580	90,605	124	127	
Bán buôn	M3	22,808	21,722	30,244	133	139	
Bán lẻ	M3	48,837	48,357	58,668	120	121	
Nội bộ, nội dụng	M3	1,580	1,504	1,693	107	113	
Dầu mỡ nhờn	Lit	148,290	143,439	177,506	120	124	
Bán buôn	Lit	49,500	47,305	84,550	171	179	
Bán lẻ	Lit	81,000	78,867	74,148	92	94	
Nội bộ, nội dụng	Lit	17,790	17,267	18,808	106	109	
Gas hóa lỏng	Kg	494,349	470,809	468,141	95	99	
Bán buôn	Kg	335,120	319,163	311,564	93	98	
Bán lẻ	Kg	159,229	151,646	156,577	98	103	

Nước giặt	Can	5,330	5,096	6,202	116	122
Bảo hiểm	Tr.đ	1,755	1,696	2,108	120	124
Xuất bán	Tr.đ	910	970	1,200	132	124
Nội dụng	Tr.đ	845	726	908	107	125
Đào tạo lx	HV	8,161	7,451	9,027	111	121
HV hạng A1	HV	5,000	4,577	5,620	112	123
HV hạng B	HV	2,905	2,663	3,090	106	116
HV hạng C	HV	256	211	317	124	150

Doanh thu:

Về tổng thể: Năm 2022, Tổng doanh thu là 2.232.371 triệu đồng, bằng 177% so với cùng kỳ năm trước và đạt 155% so với kế hoạch. Trong đó:
Doanh thu vận tải là 128.341 triệu đồng, bằng 143% so với cùng kỳ năm trước.
Doanh thu kinh doanh xăng dầu sáng là 2.029.658 triệu đồng, bằng 181% so với cùng kỳ.
Doanh thu kinh doanh DMN là 11.993 triệu đồng, bằng 131% so với cùng kỳ.
Doanh thu kinh doanh Gas là 14.268 triệu đồng, bằng 108% so với cùng kỳ.
Doanh thu Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe là 39.285 triệu đồng.
Doanh thu Xưởng Cơ khí và Sửa chữa thiết bị Cột bơm là: 8.383 triệu đồng.
Doanh thu hoạt động tài chính là: 110 triệu đồng.
Thu nhập khác là: 333 triệu đồng.

Chi phí:

Năm 2022, Tổng chi phí toàn công ty 2.219.570 triệu đồng, bằng 177% so với cùng kỳ và đạt 155% so với KH. Trong đó:

Giá vốn là 2.109.598 triệu đồng, bằng 181% so với cùng kỳ và 157% KH.

Chi phí kinh doanh vận tải là 126.464 triệu đồng, bình quân 1.907 đ/m3km, tăng 96 đ/m3km so với cùng kỳ. Trong đó, giá thành vận tải 113.192 triệu đồng tương ứng 1.706 đ/m3km, tăng 97 đ/m3km so với cùng kỳ do chi phí nhiên liệu tăng cao. Chi phí quản lý doanh nghiệp là 11.366 triệu đồng tương ứng 171 đ/m3km, tăng 11 đ/m3km so với cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính là 1.905 triệu đồng tương ứng 29 đ/m3km, giảm 12 đ/m3km so với cùng kỳ.

Chi phí kinh doanh xăng dầu sáng là 87.164 triệu đồng tương ứng 1.358 đ/m3km tăng 355 đ/m3km so với cùng kỳ, trong đó chi phí kinh doanh trực tiếp là 72.513 triệu đồng tương ứng 1.130 đ/m3km tăng 325 đ/m3km so với cùng kỳ. Chi phí quản lý doanh nghiệp là 11.369 triệu đồng tương ứng 177 đ/m3, tăng 22 đ/m3km so với cùng kỳ. Chi phí tài chính là 3.281 triệu đồng tương ứng 51 đ/m3km, tăng 8 đ/m3km.

Chi phí Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe là 31.653 triệu đồng bằng 133% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí kinh doanh DMN và Gas là 3.151 triệu đồng, giảm 6% so với cùng kỳ.

Tình hình công nợ 12 Tháng/2022:

Công nợ thời điểm phải thu 31/12/2022 là: 11.633 triệu đồng. Trong đó:

Công nợ khách hàng bán buôn: 1.397 triệu đồng;

Công nợ khách hàng bán lẻ tại cửa hàng :3.495 triệu đồng;

Công nợ khách hàng vận tải: 5.712 triệu đồng

Công nợ các khách hàng khác: 675 triệu đồng

Công nợ khách hàng của TTĐTLX: 354 triệu đồng

Trong đó: Công nợ phải thu khó đòi là 993 triệu đồng.

Công nợ

Đối với các công nợ khó đòi công ty đã quy trách nhiệm cá nhân và đã thực hiện các biện pháp nghiệp vụ thu hồi công nợ như thường xuyên theo dõi kiểm tra, đốc thúc thu hồi công nợ. Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra, rà soát đối với tất cả khách hàng, tập trung thu hồi các công nợ còn tồn đọng, để đảm bảo an toàn tài chính, nhằm tiết giảm chi phí lãi vay. Các công nợ phải thu khó đòi ngoài việc quy trách nhiệm cá nhân thì Công ty cũng đã làm các thủ tục như gửi hồ sơ khởi kiện lên tòa án theo quy định;

Lợi nhuận

Năm 2022: Lợi nhuận toàn công ty là 12.475 triệu đồng, đạt 142% so với KH, và tăng 7% so với cùng kỳ. Trong đó:

Lợi nhuận kinh doanh vận tải là 1.877 triệu đồng, đạt 107% so với KH

Lợi nhuận kinh doanh xăng dầu là 2.614 triệu đồng, đạt 103% so với KH.

Lợi nhuận kinh doanh khác gồm DMN, Gas là 221 triệu đạt 192% so với kế hoạch;

Lợi nhuận TTĐTLX là 7.666 triệu đồng bằng 308% so với cùng kỳ và đạt 185% so với KH.

Lợi nhuận thu nhập khác đạt 97 triệu đồng.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	Tỷ lệ % KH 2023 /TH 2022
Sản lượng chủ yếu			
<i>Khối lượng luân chuyển</i>	m3km	63,616,875	96%
<i>Sản lượng bán xăng dầu</i>	m3,Tấn	81,712	90%
<i>Hóa dầu</i>	lit	186,308	105%
<i>Gas</i>	kg	490,250	105%
<i>Bảo hiểm</i>	Tr.đ	2,180	103%
<i>Xuất bán</i>	-	1260	105%
<i>Nội dụng</i>	-	920	101%
<i>Nước giặt</i>	Can	6,500	105%
<i>Học viên đào tạo lái xe</i>	Học viên	8,727	97%
Tổng doanh thu	Tr.đ	1,759,345	79%
Tổng chi phí	-	1,749,679	79%
Lợi nhuận trước thuế	-	9,666	77%

Lợi nhuận sau thuế	-	7,732	75%
Tỷ suất LN/Vốn Đ.Lệ BQ	%	13,2	75%
Tỷ suất LN/Vốn CSH BQ	%	9,6	76%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	10	100%
Tổng PS phải nộp NS	Tr.đ	6,500	51%
Tổng quỹ lương	Tr.đ	49,533	89%
Số lao động cuối kỳ	Người	433	104%
Thu nhập bình quân	1000đ/ng/th	9,5	85%
Vốn điều lệ	Tr.đ	58,477	100%
Giá trị đầu tư trong kỳ	Tr.đ	67,651	324%

Phương hướng phát triển

a. Công tác tổ chức sản xuất kinh doanh:

Tìm kiếm vị trí mới để thuê, đầu tư mở rộng phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ.

Tăng cường công tác thị trường để tìm kiếm khách hàng nhằm gia tăng sản lượng bán hàng, đảm bảo hoàn thành/vượt kế hoạch đặt ra.

Rà soát lại các khách hàng đại lý để cơ cấu lại và phát triển mạng lưới đại lý

Tổ chức quyết liệt công tác kinh doanh Gas, Dầu mỡ nhờn, bảo hiểm phấn đấu gia tăng sản lượng bán ra.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ công tác vận tải, cửa hàng xăng dầu nhằm nâng cao chất lượng vận tải, chất lượng dịch vụ đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng.

Thường xuyên giám sát cửa hàng trong công tác thực hiện 5S trong bán hàng, tránh xảy ra tranh chấp với khách hàng khi hiện nay giá nhiên liệu tăng để ảnh hưởng đến tâm lý của khách hàng.

Thường xuyên nghiên cứu nắm bắt kịp thời sự biến động về giá để cân đối lượng tồn kho hợp lý.

b. Công tác Kế toán - tài chính:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở, nâng cao chất lượng công tác quản lý các đơn vị, đảm bảo an toàn tuyệt đối về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tiếp tục rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật, bảo đảm tiết giảm được chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh của từng lĩnh vực, giảm bớt chi phí quản lý, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Tập trung thu hồi các công nợ còn tồn đọng, chọn lọc các khách hàng để đảm bảo an toàn tài chính, nhằm tiết giảm chi phí lãi vay.



c. Công tác quản lý kỹ thuật, an toàn

Quyết toán dứt điểm các công trình xây dựng cơ bản, đầu tư tài sản đã hoàn thành. Tập trung hoàn thiện các thủ tục, triển khai thi công các công trình xây dựng cơ bản đang thực hiện dở dang.

Tiếp tục rà soát, sửa chữa/làm mới cơ sở vật chất tại cửa hàng xăng dầu đang còn thiếu/chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Nghiêm túc thực hiện theo các quy định của pháp luật/Quy chế của Tập đoàn/Tổng công ty/Công ty về công tác an toàn trong tất cả lĩnh vực. Tiếp tục rà soát lại hệ thống định mức; toàn bộ quy chế, quy trình kỹ thuật và an toàn, nội quy lao động..., các nghiệp vụ liên quan đến công tác an toàn để chỉnh sửa, hoàn thiện và ban hành lại phù hợp với tình hình mới.

Tăng cường, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở trong công tác an toàn PCCC&CNCH, ATVSLĐ, VSMT và chất lượng hàng hóa nhằm hạn chế tối đa các sự cố mất an toàn xảy ra.



d. Công tác tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương

Tiếp tục thực hiện tốt công tác cán bộ nhằm phát huy năng lực của cán bộ, tạo nguồn cán bộ có trình độ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu của công tác sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

Rà soát, xây dựng định biên lao động cũng như chế độ chi trả cho người lao động nhằm tăng năng suất lao động, tiền lương và thu nhập cho người lao động.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong việc chấp hành nội quy, quy chế của Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả, chất lượng sản xuất kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động.

Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ trong Công ty tạo cơ hội cho người lao động được giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong công việc. Qua đó, tinh thần người lao động được nâng cao, cải thiện môi trường làm việc và thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp của Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt của công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị



1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

Năm 2022, tình hình kinh tế liên tục gặp nhiều khó khăn. Hội đồng quản trị đã điều chỉnh và liên tục đưa ra các phương hướng tạo điều kiện để Ban Điều hành tiến hành đưa ra các giải pháp nhằm đạt được đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt thông qua năm 2022, đảm bảo việc làm cho người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2022 như sau:

Phương hướng giám sát:

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời tiến hành trao đổi và chất vấn các hoạt động của Giám đốc và thành viên Ban Điều hành trong việc lập chiến lược, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT cùng với Giám đốc đã thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp HĐQT để tìm ra và giải quyết khó khăn, nhằm hoàn thành mục tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.

Thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban kiểm soát, HĐQT đã đưa ra các ý kiến đóng góp với Giám đốc và Ban Điều hành nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát và quản lý doanh nghiệp.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về các nội dung thuộc thẩm quyền để Giám đốc và Ban Điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.



Kết quả giám sát:

Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của HĐQT.

Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt việc điều hành kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình điều hành, Giám đốc và Ban Điều hành Công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Công tác quản trị:

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua, phấn đấu hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, tập trung chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng.

Mục tiêu chiến lược:

Xây dựng công ty PTS Nghệ Tĩnh vững mạnh hơn, hiệu quả hơn dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp. Đồng thời, xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ.
Một số giải pháp trọng tâm:

Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo công tác tài chính của Công ty an toàn, hiệu quả

Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm Soát

Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS

Tăng cường công tác quản trị



Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Hoàng Công Thành	CT.HĐQT	188,215	3,22%
Mạnh Xuân Hùng	TV.HĐQT kiêm Giám đốc	51,510	0,88%
Đào Ngọc Tiến	TV.HĐQT kiêm Kế toán trưởng	68,014	1,16%
Hoàng Văn Tuyến	TV.HĐQT không điều hành	0	0
Võ Anh Tuấn	TV.HĐQT độc lập	0	0

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ
Hoàng Công Thành	CT.HĐQT	03	3/3
Mạnh Xuân Hùng	TV.HĐQT kiêm Giám đốc	03	3/3
Đào Ngọc Tiến	TV.HĐQT kiêm Kế toán trưởng	03	3/3
Hoàng Văn Tuyến	TV.HĐQT không điều hành	03	3/3
Võ Anh Tuấn	TV.HĐQT độc lập	03	3/3

Tiến hành tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên vào tháng 4/2022, thông qua phương án trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt và thực hiện chi trả vào tháng 7/2022.

HĐQT giao kế hoạch SXKD tổng hợp năm 2022 cho Công ty.

Thực hiện các thủ tục, công tác đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện nhằm nâng lưu lượng cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS

Xây dựng và hoàn thiện đề án hợp tác với Công ty CP nhiên liệu bay thuê sân sau văn phòng Công ty làm kho nhiên liệu

Hoàn thành các thủ tục đầu tư và triển khai thi công các CHXD theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022 thông qua

Trong năm HĐQT đã tiến hành họp định kỳ 3 phiên và ban hành 5 nghị quyết.

Triển khai thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm bổ sung thêm 1 phó giám đốc Công ty.

Hoàn thành các thủ tục cần thiết để tiến hành tổ chức đại hội cổ đông bất thường năm 2022

Nghị Quyết Hội đồng quản trị

Số nghị quyết	Thời gian	Nội dung	Tỷ lệ
080-2022/PTX-NQ-HĐQT	05/03/2022	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2022	100%
248/PTX-NQ-HĐQT	30/05/2022	Nghị quyết HĐQT về việc chia cổ tức năm 2021	100%
555/PTSNT-NQ-HĐQT	30/11/2022	Nghị quyết HĐQT về việc chia cổ tức năm 2021	100%
582/PTSNT-QĐ-HĐQT	19/12/2022	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

Năm 2022 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông (doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu, cổ tức).

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2022 phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Công ty.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2022, Ông Võ Anh Tuấn đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên độc lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như các quy chế, quy định của nội bộ Petrolimex Nghệ Tĩnh. Cùng với các thành viên trong ban HĐQT khác, Ông Võ Anh Tuấn đã có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị Công ty

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT: không có

Ban Kiểm Soát

Thành viên Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
Trần Anh Tuấn	Trưởng BKS	10,266	0,17%
Thái Văn Linh	TV BKS	34,973	0,6%
Nguyễn Trí Dũng	TV BKS	36,761	0,66%

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
Trần Anh Tuấn	Trưởng BKS	3/3	100%
Thái Văn Linh	TV BKS	3/3	100%
Nguyễn Trí Dũng	TV BKS	3/3	100%

Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành, đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực, căn cứ vào điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị (HĐQT), các quy định pháp lý hiện hành. Trong năm 2022 BKS đã triển khai thực hiện các công việc sau:

BKS đã xây dựng chương trình kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo khả năng chuyên môn.

Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đưa ra kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và Nghị quyết của HĐQT. Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, rà soát công nợ khách hàng, chi phí kinh doanh, lao động tiền lương, thực hiện kế hoạch đầu tư, và đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

Trong năm 2022, BKS được cung cấp thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT, các thành viên BKS được mời tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT.

BKS phối hợp với ban điều hành rà soát cân đối năng lực vận tải, công nợ phải thu. Hoàn thành báo cáo hoạt động BKS sau khi tiếp thu các ý kiến của HĐQT.

Tham gia các cuộc kiểm tra đột xuất, kiểm kê quý, năm tại các cửa hàng xăng dầu và kiểm tra định kỳ công tác hoạt động kinh doanh tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS, công tác PCCC, AT-VSLD&BVMT, đo lường chất lượng, công tác bán hàng tại các CHXD và phương tiện vận tải, xưởng cơ khí sửa chữa, trung tâm gas và trung tâm cột bơm.

Đối với cổ đông: trong năm BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

Nhìn chung trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Việc phối hợp giữa Ban Kiểm soát đối với HĐQT, BKS với Ban Điều hành được duy trì thường xuyên thông qua các hình thức trao đổi trực tiếp, gửi văn bản, gửi thư điện tử.

BKS luôn quan tâm, chú trọng phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban nghiệp vụ, cổ đông trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định.

HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý khác đã cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ theo đúng quy định.

Đào tạo về Quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về Quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Công ty đã tổ chức các khóa học về Quản trị công ty cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác theo chương trình, kế hoạch Công ty.

Giao dịch và thu lao của HĐQT, BKS và BGD

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Thù lao
Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT	594,000,000
Mạnh Xuân Hùng	TVHĐQT kiêm Giám đốc	540,000,000
Đào Ngọc Tiến	TV HĐQT kiêm KTT	432,000,000
Hoàng Văn Tuyển	TV HĐQT không điều hành	86,400,000
Nguyễn Anh Tuấn	TV HĐQT độc lập	86,400,000

Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức danh	Thù lao
Trần Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm Soát	432,000,000
Thái Văn Linh	TV Ban Kiểm Soát	138,800,000
Nguyễn Trí Dũng	Tv Ban Kiểm Soát	138,800,000

Ban Điều hành

Họ và tên	Chức danh	Thù lao
Trương Hồng Toàn	Phó Giám đốc	864,000,000
Nguyễn Hồng Lam	Phó Giám đốc	864,000,000

(* Ông Mạnh Xuân Hùng - Giám đốc đã nêu ở trên)

Giao dịch cổ phiếu của NNB và NLQ đến NNB: không có

Tăng cường quản trị công ty

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết, gồm có:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư năm 2022

Trong năm 2022, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo hình thức trực tiếp, tạo điều kiện tốt nhất cho cổ đông Công ty thực hiện quyền dự họp.

Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin hoạt động của Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được thực hiện định kỳ và bất thường thông qua website Công ty nhằm tạo điều kiện để cổ đông có điều kiện giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nâng cao hiệu quả quản trị Công ty

Năm 2022, Công ty triển khai xây dựng phần mềm quản lý EGAS. Đây là phần mềm quản lý hệ thống tiên tiến của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, đạt chuẩn quốc tế. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là đầu mối kinh doanh xăng dầu duy nhất của Việt Nam áp dụng phần mềm này

Đảng bộ Công ty ban hành các Nghị quyết chuyên đề về thực hiện nhiệm vụ chính trị để HĐQT, Ban điều hành căn cứ thực hiện SXKD đạt hiệu quả cao, đúng quy định.

Thực hiện các giải pháp quản trị kinh doanh tiên tiến để tiết giảm chi phí SXKD tại các cửa hàng bán lẻ, chi phí vận tải, chi phí quản lý đào tạo lái xe.

Không ngừng mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng đối với các lĩnh vực kinh doanh bổ trợ như nước giặt, dầu mỡ nhờn, bảo hiểm...qua đó góp phần nâng cao tiền lương, thu nhập cho người lao động.

Quản trị rủi ro

Cơ cấu quản trị rủi ro

Hội đồng quản trị: Là cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất, quyết định mô hình và chiến lược quản trị rủi ro của Công ty, đồng thời đóng vai trò là cơ quan quản lý tổng thể có chức năng giám sát cao nhất đối với hoạt động quản trị rủi ro.

Ban Giám đốc: Là cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành và giám sát triển khai các chính sách quản lý rủi ro dựa trên định hướng của Hội đồng quản trị. Ban GD trực tiếp quản lý hồ sơ rủi ro và đưa ra các quyết định quan trọng trong ứng phó, phòng ngừa rủi ro và giao cho các bộ phận chức năng, cá nhân liên quan thực hiện.

Ban Kiểm Soát: Là tổ chức được lập ra bởi Hội đồng quản trị, nhằm giúp Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác, và trung thực trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và chấp hành điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Các bộ phận chức năng: Tuân thủ và thực hiện các chính sách, quyết định của Ban Giám đốc về quản lý rủi ro; chịu trách nhiệm xác định, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong phạm vi hoạt động của mình và báo cáo lên Ban GD đối với những phạm vi ngoài thẩm quyền, chức năng.

Cán bộ công nhân viên: Chịu trách nhiệm quản lý rủi ro trong phạm vi nghiệp vụ, trách nhiệm của mình.

Quy trình quản trị rủi ro

1. Xác định rủi ro:

Xác định những nguy cơ tiềm ẩn mà Công ty có thể phải đối mặt trong tương lai. Việc xác định rủi ro cần được thực hiện đầy đủ với sự tham gia của các bên liên quan

Cơ hội và mối đe dọa liên quan đến môi trường kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, quy định của địa phương.

Các lực đẩy chính của chiến lược liên quan bên ngoài

Điểm mạnh và điểm yếu của Công ty

2. Nhận diện rủi ro

Xác định các vấn đề có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai dự án, v.v. Sau khi tổng hợp danh mục sự kiện và rủi ro tiềm ẩn, cần tiến hành phân loại rủi ro (gồm rủi ro cấp doanh nghiệp và rủi ro cấp đơn vị) và quản lý theo nhóm.

3. Đánh giá rủi ro

Xác định ưu tiên quản lý và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty cho từng loại rủi ro. Trong đó, khả năng xảy ra rủi ro sẽ được đánh giá trên 5 cấp độ là (1) Hiếm khi xảy ra, (2) Ít khả năng xảy ra, (3) Có khả năng xảy ra, (4) Nhiều khả năng xảy ra, (5) Chắc chắn xảy ra; mức độ ảnh hưởng của rủi ro được đánh giá trên 5 cấp độ là (1) Không đáng kể, (2) Nhẹ, (3) Vừa phải, (4) Nghiêm trọng, (5) Rất nghiêm trọng.

4. Ứng phó với rủi ro

Tùy thuộc vào bản chất của rủi ro, có bốn chiến lược ứng phó khả thi mà Công ty có thể thực hiện:

Né tránh rủi ro: Lựa chọn không thực hiện các hành động có thể gây ra rủi ro hoặc chọn một hành động khác thay thế hoặc chọn một phương pháp/ quá trình ít rủi ro hơn.

Chấp nhận rủi ro: Lựa chọn chấp nhận rủi ro khi các hành động loại bỏ/ giảm thiểu rủi ro không khả thi hoặc khi các biện pháp kiểm soát rủi ro cần được áp dụng.

Kiểm soát/ giảm thiểu rủi ro: Lựa chọn các hành động làm giảm tác động bất lợi từ các sự kiện có thể gây ra rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được. Hành động được lựa chọn thực thi có thể nhằm làm giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, giảm thiểu hậu quả của rủi ro hoặc làm tăng khả năng phát hiện nguyên nhân và hậu quả của rủi ro. Những hành động này được lựa chọn khi xét thấy sự kiện gây ra rủi ro là không thể tránh được hoặc việc chấm dứt rủi ro sẽ tiêu tốn nhiều thời gian và chi phí hơn mức chấp nhận được;

Chuyển giao rủi ro: Chuyển giao rủi ro cho một bên thứ 3 (ví dụ: mua bảo hiểm, sử dụng các công cụ bảo đảm trong ký kết hợp đồng, v.v.)

Loại bỏ rủi ro: Chấm dứt nguồn phát sinh rủi ro. Trong một số trường hợp, có thể kết hợp linh hoạt nhiều phương án ứng phó rủi ro để đạt kết quả cao nhất mà vẫn đảm bảo chi phí ứng phó ở mức cho phép.

5. Kiểm soát rủi ro

Có rất nhiều biện pháp kiểm soát rủi ro, tuy nhiên tùy vào tình hình và điều kiện công việc cụ thể của môi trường làm việc cũng như công việc đặc thù mà nhóm đánh giá rủi ro sẽ lựa chọn các hình thức phù hợp nhất với từng mối rủi ro cụ thể. Các biện pháp có thể khác nhau, nhưng chúng ta nên tuân theo các mức độ ưu tiên sau để lựa chọn hình thức phù hợp với mỗi bước tiến hành công việc:

Cách ly: cách ly các mối nguy hiểm ra khỏi khu vực làm việc nhằm tránh tiếp xúc với chúng

Thay thế: thay thế những mối nguy hiểm bằng những điều kiện, thiết bị... an toàn hơn

Chế tạo: sửa đổi, cung cấp thêm các thiết bị hay biện pháp bảo vệ khi tiếp xúc với các mối nguy hiểm

Chính sách: cung cấp một chính sách hay chế độ và thời gian làm việc phù hợp.

6. Giám sát và báo cáo

Thường xuyên theo dõi kết quả hoạt động quản lý rủi ro và báo cáo các cấp/bộ phận liên quan để nhanh chóng xác định các vấn đề có thể ảnh hưởng đến hệ thống quản lý rủi ro của doanh nghiệp. Định kỳ phân tích lại bối cảnh và môi trường, kết hợp với thử nghiệm và đánh giá lại hiệu quả của các biện pháp quản lý rủi ro để xác định những thay đổi quan trọng và thực hiện các điều chỉnh cần thiết, và kịp thời

Đánh giá hoạt động quản trị rủi ro của Công ty trong năm 2022

Trong năm 2022, hoạt động nhận diện và đánh giá rủi ro được xem như là một trong những hoạt động chính. Công ty thường xuyên thực hiện, theo dõi và rà soát liên tục nhằm kịp thời ứng phó với các rủi ro như:

Phòng tài chính chính kế toán có chức năng thường xuyên theo dõi và nhận Xác định, đánh giá và thực hiện các biện pháp ứng phó và kiểm soát rủi ro liên quan đến Tài chính cũng như báo cáo cho Ban Giám đốc.

Công ty đặc biệt chú trọng nhận diện, đánh giá các rủi ro liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội nhằm có các biện pháp giảm thiểu rủi ro, đảm bảo đáp ứng được các quy định pháp luật, chủ trương của địa phương và tiêu chuẩn của đối tác.

Công ty tổ chức đánh giá và báo cáo rủi ro định kỳ đối với các bộ phận chức năng của Công ty.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Mục tiêu phát triển bền vững

Đánh giá của Ban Tổng giám đốc

Các chỉ tiêu phát triển bền vững



GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty được xây dựng dựa trên các quan điểm tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của PTX ở khía cạnh phát triển bền vững. Báo cáo sẽ cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các thông số, chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty và đơn vị thành viên trong lĩnh vực xăng dầu trên lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2022, bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Quản lý nguyên vật liệu

Công tác quản lý kỹ thuật:

** Công tác quản lý chất lượng xăng dầu tại cửa hàng*

Trong năm 2022, Công ty cũng đã tiến hành rà soát, đôn đốc các cửa hàng kiểm tra cận bản và nước đáy bể chứa để rà cận định kỳ hàng năm và đã thuê đơn vị chuyên súc rửa bể chứa xăng dầu tiến hành súc bể chứa các cửa hàng đã đưa vào hoạt động từ 5 năm trở lên nhằm đảm bảo chất lượng về hàng hóa trong kinh doanh. Trong năm 2022 không có cửa hàng nào vi phạm về chất lượng.

** Công tác đo lường*

Về lĩnh vực đo lường cột bơm: Trong tháng 5/2022, Công ty đã phối hợp với Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Nghệ An thực hiện kiểm tra kỹ thuật cột bơm và kiểm định sai số đo lường cột bơm giữa kỳ; Kiểm định định kỳ sai số đo lường cột bơm vào tháng 11/2022 (các CHXD khu vực Nghệ An) và vào các tháng 5, 8, 12 (đối với các CHXD khu vực Hà Tĩnh, Thanh Hóa). Vì thế, sai số đo lường cột bơm luôn nằm trong giới hạn cho phép.

** Lĩnh vực đo lường dung tích xi téc*

Trong năm 2022, thực hiện kiểm định định kỳ dung tích của 76 xe xi téc vận chuyển xăng dầu và 48 xe kiểm định lại sau khi sửa chữa, cải tạo xi téc. Tổng cộng đã kiểm định dung tích được 124 lượt xe.



2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Cấp ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh, gắn sản xuất kinh doanh với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, tổ chức tốt công tác huấn luyện dân quân tự vệ theo kế hoạch của Ban Chỉ huy quân sự Thành phố Vinh, bảo đảm số lượng, chất lượng và thời gian quy định.



Các hoạt động vì cộng đồng của Công ty trong năm 2022 cụ thể như sau:

Ủng hộ Quỹ vì người nghèo: 30.000.000 đồng

Ủng hộ quỹ tiết kiệm cho người nghèo: 10.000.000 đồng

Ủng hộ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai: 20.000.000 đồng

Ủng hộ tổ chức chương trình kết nối Doanh nhân: 20.000.000 đồng

Ủng hộ kỷ niệm thành lập Hội hưu trí Xăng dầu Nghệ An: 10.000.000 đồng

Ủng hộ nông thôn mới ở tỉnh Hà Tĩnh: 3.000.000 đồng

Ủng hộ Hội cựu chiến binh xã Nghi Kim: 1.000.000 đồng

Ủng hộ người nghèo xã Diễn Đồng đón tết: 1.000.000 đồng

Ủng hộ xã Thạch Khê: 1.000.000 đồng

Ủng hộ hỗ trợ xã Trung Tiến: 1.000.000 đồng

Ủng hộ UBND xã Thanh Thủy ngày 27/07: 1.500.000 đồng

Ủng hộ kinh phí tri ân ngày thương binh liệt sỹ 27/07: 5.000.000 đồng

Chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp chia sẻ khó khăn mà đồng bào miền núi huyện Kỳ Sơn bị ảnh hưởng bởi đợt lũ quét lịch sử, Công ty đã ủng hộ 20 triệu đồng để góp phần giảm thiểu tổn thất cho nhân dân Kỳ Sơn.

3. Chính sách liên quan đến người lao động



Trong năm 2022, Công ty thành lập Petrolimex - Cửa hàng 121 (ngày 28/02/2022) và Petrolimex - Cửa hàng 151 (15/06/2022). Chấm dứt hoạt động 02 cửa hàng là Petrolimex - Cửa hàng 124 (20/06/2022) và Petrolimex - Cửa hàng 152 (20/06/2022).



Thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2020-2026 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2026-2031 đối với cán bộ thuộc diện Hội đồng thành viên Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex quản lý

Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ theo đúng quy định Quy chế quản lý thực hiện công tác cán bộ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, quy định của Tổng công ty và của Công ty đảm bảo khách quan, dân chủ. Kết quả công tác cán bộ năm 2022 như sau:

- * Bổ nhiệm 05 cán bộ giữ chức vụ Cửa hàng trưởng Cửa hàng xăng dầu.
- * Bổ nhiệm lại 05 cán bộ giữ chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh Vận tải, Phó giám đốc Trung tâm.
- * DT&SHLX PTS, Quản đốc Xưởng cơ khí sửa chữa và 02 Cửa hàng trưởng Cửa hàng xăng dầu.
- * Miễn nhiệm, điều động 04 cán bộ là cửa hàng trưởng Cửa hàng xăng dầu

b. Công tác lao động, tiền lương

* Công tác lao động

Thực hiện bố trí, sắp xếp lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh phù hợp theo định biên và đặc thù đối với từng đơn vị; điều động lao động cho một số đơn vị nhằm bổ sung thay thế lao động nghỉ chế độ (nghỉ phép, nghỉ ốm đau, thai sản)

Tình hình diễn biến lao động năm 2022, như sau:

Lao động tính đến ngày 01/01/2022 : 418 người

Lao động tính đến ngày 31/12/2022 : 418 người



Thực hiện chính sách lao động, tiền lương

Công ty thực hiện điều chỉnh chính sách tiền lương tại một số bộ phận, đơn vị phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, Công ty và quy định của pháp luật Nhà nước:

Thực hiện phân phối quỹ lương cho toàn bộ cán bộ công nhân lao động trong Công ty nhân dịp các ngày lễ, tết như: Tết Nguyên đán 2022, Quốc tế lao động 01/05, Quốc khánh 02/09, Thành lập công ty (03/10), Tết dương lịch 2023.

Tình hình tiền lương, thu nhập

Tình hình lao động, thu nhập trong năm 2022, như sau:

Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện		Tỷ lệ (%) thực hiện năm 2022 so với	
			2021	2022	2021	KH
Lao động cuối kỳ	Người	419	418	418	100%	100%
Thu nhập bình quân	1000 đ/ng/th	8.700	8.303	11.161	134%	128%

c. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

Công ty đã cử Cán bộ công nhân lao động đi tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cũng như nâng cao trình độ lý luận chính trị. Cụ thể:

- * Cử 01 đồng chí tham gia lớp Cao cấp chính trị và 04 đồng chí đi tham gia lớp Trung cấp chính trị.
- * Cử 03 Cán bộ đi tham gia khóa học đào tạo Cán bộ quản lý cấp trung Petrolimex do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tổ chức.
- * Cử 05 Cán bộ chuyên viên tham gia tập huấn về Dầu mỡ nhờn do Tổng công ty hóa dầu Petrolimex tổ chức.
- * Cử 04 Cán bộ chuyên viên tham gia tập huấn kiến thức PCCC&CNCH, ATVSLĐ do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tổ chức.
- * Cử 180 người tại Đội xe, chi nhánh Thanh Hóa và Trung tâm KDTH, Cửa hàng xăng dầu đi tham gia đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường.
- * Cử 05 người tại văn phòng và Trung tâm KDTH tham gia tập huấn công tác đo lường, chất lượng trong kinh doanh khí hóa lỏng và DMN.
- * Cử 50 người tại Đội xe, Trung tâm Kinh doanh Tổng hợp, Chi nhánh Thanh Hóa tham gia đào tạo nghiệp vụ vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

Phối hợp với Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex, đào tạo nghiệp vụ phần mềm Agas-Egas cho 174 Cán bộ công nhân viên tại văn phòng, Trung tâm Kinh doanh Tổng hợp và các cửa hàng xăng dầu.

* Cử 09 người đi tập huấn nghiệp vụ Công đoàn do Công đoàn Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tổ chức.

* Cử 266 người tham gia tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy.



d. Công tác chăm sóc đời sống tinh thần của Cán bộ Công nhân viên

Năm 2022 Công ty thực hiện và phối hợp với Công đoàn Xăng dầu Việt Nam và Công đoàn Công ty tham gia các hoạt động từ thiện xã hội và chăm lo đời sống tinh thần của CBCNV, cụ thể:

* Ủng hộ Quỹ vì người nghèo nhân dịp Tết âm lịch 2022 do UBMTTQ tỉnh Nghệ An phát động; Ủng hộ quỹ tiết kiệm cho người nghèo do BHXH tỉnh Nghệ An phát động, Ủng hộ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, Ủng hộ tổ chức chương trình kết nối Doanh nhân, Ủng hộ các phong trào của các địa phương Công ty triển khai hoạt động kinh doanh... với tổng số tiền là 103.500.000 đồng.

* Phối hợp với Công đoàn Xăng dầu Việt Nam và Công đoàn Công ty thực hiện hỗ trợ CBCNV Công ty có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 75.000.000 đồng.

* Phát động CBCNV ủng hộ đ/c Lê Thị Huệ, công nhân bán hàng và đ/c Lê Thị Hà, phòng Quản lý Kỹ thuật bị ung thư với số tiền 168.000.000 đồng.

* Chi hỗ trợ cho CBCNV trong công tác phòng, chống dịch Covid từ quỹ quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với số tiền 150.139.697 đồng, trong đó đợt 1 là 74.274.390 đồng, đợt 2 là 75.865.307 đồng.

* Thực hiện chế độ nghỉ mát và hỗ trợ năng nóng năm 2022 cho cán bộ công nhân lao động trong toàn Công ty.

* Tham gia tích cực và đạt giải cao ở các phong trào thể thao trên địa bàn như: Giải thể thao truyền thống Đảng bộ Danh nghiệp Nghệ An, Hội thao truyền thống ngành Giao thông Vận tải năm 2022.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công Ty Cổ
Phần Vận
Tải Và Dịch
Vụ
Petrolimex
Nghệ Tĩnh

Digitally signed by Công
Ty Cổ Phần Vận Tải Và
Dịch Vụ Petrolimex Nghệ
Tĩnh
DN:
0.9.2342.19200300.100.1.
1=MST:2900428497,
cn=Công Ty Cổ Phần Vận
Tải Và Dịch Vụ Petrolimex
Nghệ Tĩnh, st=Nghệ An,
c=VN
Date: 2023.02.16 07:26:09
+07'00'

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch
Ông Mạnh Xuân Hùng	Thành viên
Ông Đào Ngọc Tiến	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuyển	Thành viên
Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Mạnh Xuân Hùng	Giám đốc
Ông Trương Hồng Toàn	Phó Giám đốc
Ông Trần Thanh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lam	Phó Giám đốc (từ ngày 01/01/2023)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Mạnh Xuân Hùng
Giám đốc

Nghệ An, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Số: 08/2023/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/02/2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0388-2023-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2023



Nguyễn Thị Hoài Thu
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2461-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.299.708.274	45.639.486.080
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.619.748.918	3.419.954.682
1. Tiền	111	5	22.619.748.918	3.419.954.682
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.709.830.458	14.534.983.978
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.227.277.553	8.356.331.169
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.814.108.308	3.153.570.072
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.661.111.104	4.031.942.539
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(992.666.507)	(1.006.859.802)
III. Hàng tồn kho	140		17.821.302.710	23.494.797.423
1. Hàng tồn kho	141	10	17.821.302.710	23.494.797.423
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.148.826.188	4.189.749.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	5.886.825.806	3.909.843.591
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		262.000.382	279.906.406
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.512.361.153	146.698.842.590
I. Tài sản cố định	220		120.845.034.692	134.067.084.518
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	118.904.067.366	131.835.185.676
- Nguyên giá	222		334.846.260.865	326.017.592.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(215.942.193.499)	(194.182.406.687)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.940.967.326	2.231.898.842
- Nguyên giá	228		4.259.235.000	4.159.235.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.318.267.674)	(1.927.336.158)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.878.258.128	5.038.675.141
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.878.258.128	5.038.675.141
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.789.068.333	7.593.082.931
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	6.789.068.333	7.593.082.931
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		199.812.069.427	192.338.328.670

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		116.642.996.488	112.445.063.146
I. Nợ ngắn hạn	310		114.396.996.488	110.124.063.146
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	64.217.350.461	17.977.854.867
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.755.069.289	6.725.726.082
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.1	1.566.349.830	772.364.860
4. Phải trả người lao động	314		18.331.247.488	11.496.364.312
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.952.928	65.472.601
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.365.435.510	4.718.951.142
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.1	18.993.000.000	67.500.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.160.590.982	867.329.782
II. Nợ dài hạn	330		2.246.000.000	2.321.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.2	2.246.000.000	2.321.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.169.072.939	79.893.265.524
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	83.169.072.939	79.893.265.524
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20a	58.476.850.000	58.476.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.476.850.000	58.476.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	326.109.150	326.109.150
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	14.101.987.507	11.983.667.467
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20b	10.264.126.282	9.106.638.907
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.264.126.282	9.106.638.907
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		199.812.069.427	192.338.328.670

Người lập biểu

Trần Thị Hồi

Kế toán trưởng

Đào Ngọc Tiên

Nghệ An, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Giám đốc

Mạnh Xuân Hùng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2022

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	2.176.896.328.438	1.226.912.015.199
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	2.176.896.328.438	1.226.912.015.199
4. Giá vốn hàng bán	11	23	2.054.565.968.040	1.125.829.000.625
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		122.330.360.398	101.083.014.574
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	110.006.301	108.455.368
7. Chi phí tài chính	22	25	5.427.994.546	5.805.140.965
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.431.349.513	2.236.237.556
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	75.228.696.891	60.441.303.838
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	29.315.031.402	23.855.040.804
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		12.468.643.860	11.089.984.335
11. Thu nhập khác	31	27	333.047.935	342.616.312
12. Chi phí khác	32	28	231.384.513	15.148.488
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		101.663.422	327.467.824
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.570.307.282	11.417.452.159
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.306.181.000	2.310.813.252
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.264.126.282	9.106.638.907
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.755	1.362

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Giám đốc

Trần Thị Hồi

Đào Ngọc Tiến



Mạnh Xuân Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.570.307.282	11.417.452.159
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12;13	23.126.470.642	26.781.860.208
- Các khoản dự phòng	03	8	(14.193.295)	(122.211.174)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	1.151.006
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24;27	(163.499.579)	(89.367.448)
- Chi phí lãi vay	06		2.431.349.513	2.236.237.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.950.434.563	40.225.122.507
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.142.747.161)	11.249.139.720
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.625.312.895	(8.180.304.602)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		56.682.419.245	(67.096.764.139)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(520.145.317)	5.774.209.412
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.488.869.186)	(2.202.843.046)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(2.098.902.430)	(1.917.659.694)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(847.372.667)	(178.055.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		88.160.129.942	(22.327.154.842)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.706.650.285)	(11.463.022.178)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	27	154.545.454	81.818.182
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	21.454.125	17.049.266
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.530.650.706)	(11.364.154.730)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		268.080.000.000	295.330.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(316.662.000.000)	(255.811.876.668)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.847.685.000)	(4.678.148.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(54.429.685.000)	34.839.975.332
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		19.199.794.236	1.148.665.760
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	3.419.954.682	2.271.347.594
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(58.672)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	22.619.748.918	3.419.954.682

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Giám đốc

Trần Thị Hồi

Đào Ngọc Tiến



Mạnh Xuân Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, trụ sở đặt tại xóm 13, xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 1364/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Cơ khí - một bộ phận thuộc Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2900428497 ngày 05/12/2000. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ hai mươi tư ngày 14/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ là 58.476.850.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải xăng dầu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Dịch vụ đào tạo nghề, dịch vụ đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng; sát hạch lái xe mô tô, ô tô các hạng;
- Cho thuê xe ô tô tập lái;
- Sửa chữa cơ khí;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
A Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo số (hạch toán tập trung tại Công ty)		
1 Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thanh Hóa	Số 184 Đường Đinh Hương, Phường Đông Cương, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Vận tải và kinh doanh xăng dầu
2 Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tĩnh	Tổ dân phố 1, Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Vận tải và kinh doanh xăng dầu
B Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc		
1 Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS	Xóm 13, Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đào tạo và sát hạch lái xe

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp: các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không phát sinh chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại.

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm như sau: tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ và thu hồi nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính: tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh). Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài là tiền chi ra để mua 166 m² đất tại Khối 2, Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh cộng lệ phí trước bạ;
- Phần mềm máy tính là các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng, là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Ngoại trừ quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 năm đến 08 năm, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí sắm, lắp, bình điện xuất dùng; chi phí sửa chữa tài sản cố định; chi phí thuê mặt bằng, thuê cửa hàng; chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Chi phí sắm, lắp, bình điện xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo quãng đường xe chạy;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 03 tháng đến 36 tháng kể từ khi phát sinh;
- Chi phí thuê mặt bằng, thuê cửa hàng; chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng là số tiền thuê đã trả trước và chi phí đã bỏ ra để san lấp, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng cửa hàng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế của năm 2021 được trích lập và phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147-2022/PTX-NQ-DHĐCĐ ngày 18/4/2022.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động đào tạo

Doanh thu hoạt động đào tạo được xác định dựa trên số lượng học viên và học phí của mỗi học viên. Doanh thu hoạt động đào tạo được ghi nhận tại thời điểm kết thúc khóa học.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán hàng trả chậm và doanh thu tài chính khác. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ;
- Lãi bán hàng trả chậm được ghi nhận theo số tiền chậm trả và lãi suất trả chậm được quy định trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả;
- Doanh thu tài chính khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán và cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác là lãi mua hàng trả chậm được ghi nhận theo số tiền chậm trả và lãi suất trả chậm được quy định trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán năm, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao, cước vận chuyển hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm là khoản hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

4.19 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Theo quy định tại Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, hoạt động đào tạo lái xe của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS thuộc lĩnh vực xã hội hóa, theo đó, hoạt động này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 15, 20, 22, 35.

5. TIỀN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	13.870.429.355	2.115.946.575
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.500.843.069	947.505.390
Tiền đang chuyển (*)	248.476.494	356.502.717
Cộng	22.619.748.918	3.419.954.682

(*) Phản ánh lượng tiền tồn quỹ tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc, số tiền này sẽ được chuyển về tài khoản ngân hàng của Công ty vào ngày làm việc tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	11.227.277.553	8.356.331.169
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	4.842.361.384	3.135.623.769
<i>Công ty CP Nhiên liệu Bay Petrolimex</i>	3.320.616.680	3.135.623.769
<i>Công ty CP Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội</i>	1.521.744.704	-
Các khoản phải thu của khách hàng khác	6.384.916.169	5.220.707.400
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.679.413.541	3.391.336.636
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	78.706.171	243.504.746
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>	124.345.056	12.208.121
<i>Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex</i>	3.320.616.680	3.135.623.769
<i>Công ty CP Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội</i>	1.521.744.704	-
<i>Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh</i>	16.092.387	-
<i>Công ty Xăng dầu Khu vực I - Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh</i>	317.257.935	-
<i>Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình - Chi nhánh Xăng dầu Hòa Bình</i>	300.650.608	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	4.661.111.104	(52.756.438)	4.031.942.539	(52.756.438)
Phải thu người lao động	236.890.779	(52.756.438)	138.396.620	(52.756.438)
Tạm ứng	2.731.469.768	-	2.225.818.213	-
Ký cược, ký quỹ	1.637.963.776	-	1.649.290.106	-
Phải thu khác	54.786.781	-	18.437.600	-

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ngắn hạn	(1.006.859.802)	(1.129.070.976)
Số dư đầu năm	(1.006.859.802)	(1.129.070.976)
Trích lập dự phòng	(60.562.079)	-
Hoàn nhập dự phòng	74.755.374	122.211.174
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
Số dư cuối năm	(992.666.507)	(1.006.859.802)
Trong đó:		
- Phải thu của khách hàng	(939.910.069)	(954.103.364)
- Phải thu khác	(52.756.438)	(52.756.438)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Tại 01/01/2022	140.302.094.533	15.502.726.413	165.423.786.181	4.788.985.236	326.017.592.363
Tăng trong năm	7.683.121.759	593.348.148	-	1.540.450.909	9.816.920.816
Mua sắm	-	593.348.148	-	-	2.133.799.057
Đầu tư XD/CB hoàn thành (*)	7.683.121.759	-	-	-	7.683.121.759
Giảm trong năm	144.095.446	-	844.156.868	-	988.252.314
Thanh lý, nhượng bán	144.095.446	-	844.156.868	-	988.252.314
Tại 31/12/2022	147.841.120.846	16.096.074.561	164.579.629.313	6.329.436.145	334.846.260.865
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2022	55.478.810.567	10.966.888.356	123.456.505.140	4.280.202.624	194.182.406.687
Tăng trong năm	9.046.380.774	1.260.959.015	12.097.479.959	330.719.378	22.735.539.126
Khấu hao trong năm	9.046.380.774	1.260.959.015	12.097.479.959	330.719.378	22.735.539.126
Giảm trong năm	144.095.446	-	831.656.868	-	975.752.314
Thanh lý, nhượng bán	144.095.446	-	831.656.868	-	975.752.314
Tại 31/12/2022	64.381.095.895	12.227.847.371	134.722.328.231	4.610.922.002	215.942.193.499
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	84.823.283.966	4.535.838.057	41.967.281.041	508.782.612	131.835.185.676
Tại 31/12/2022	83.460.024.951	3.868.227.190	29.857.301.082	1.718.514.143	118.904.067.366

(*) Trong đó, kết chuyển từ khoản mục chi phí xây dựng cơ bản là 7.634.939.941 VND.

Công ty đã thể chấp các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 13.598.616.950 VND (tại ngày 01/01/2022 là 6.792.601.915 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 116.525.551.807 VND (tại ngày 01/01/2022 là 71.181.410.879 VND).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

9. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	994.310.007	1.643.500	1.018.689.322	11.829.520
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Tân Phương Thảo	139.170.433	-	153.170.433	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	139.170.433	-	153.170.433	-
Công ty CP Xây lắp thương mại tổng hợp Hồng Hoan	247.375.000	-	247.375.000	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	247.375.000	-	247.375.000	-
Công ty CP Vận tải và Đầu tư xây dựng 805 Nghệ An	158.500.871	-	158.500.871	-
Thời gian quá hạn: trên 03 năm				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	158.500.871	-	158.500.871	-
Các đối tượng khác	449.263.703	1.643.500	459.643.018	11.829.520

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	225.118.209	-	155.392.837	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	66.200.000	-
Hàng hóa	17.596.184.501	-	23.273.204.586	-
Cộng	17.821.302.710	-	23.494.797.423	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
11.1 Ngắn hạn	5.886.825.806	3.909.843.591		
Chi phí sắm, lắp, bình điện	3.227.450.654	3.243.226.177		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.409.375.152	407.193.863		
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	9.423.551		
Chi phí thuê mặt bằng, thuê cửa hàng	250.000.000	250.000.000		
11.2 Dài hạn	6.789.068.333	7.593.082.931		
Chi phí thuê cửa hàng	2.097.439.115	2.666.741.973		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.073.898.924	825.613.011		
Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng	3.617.730.294	3.619.464.179		
Chi phí trả trước khác	-	481.263.768		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2022	871.015.000	3.288.220.000
Tăng trong năm	-	100.000.000
Mua trong năm	-	100.000.000
Giảm trong năm	-	-
Tại 31/12/2022	871.015.000	3.388.220.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2022	-	1.927.336.158
Tăng trong năm	-	390.931.516
Khấu hao trong năm	-	390.931.516
Giảm trong năm	-	-
Tại 31/12/2022	-	2.318.267.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2022	871.015.000	1.360.883.842
Tại 31/12/2022	871.015.000	1.069.952.326

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 và tại ngày 31/12/2021 là 819.220.000 VND.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Số đầu năm	5.038.675.141	4.378.811.145
Tăng trong năm	7.474.522.928	3.491.492.179
Giảm trong năm	7.634.939.941	2.831.628.183
Kết chuyển sang tài sản cố định	7.634.939.941	2.831.628.183
Số cuối năm (*)	4.878.258.128	5.038.675.141
(*) Chi tiết:		
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Cửa hàng xăng dầu Hưng Đông	3.075.234.789	2.405.330.758
Cửa hàng xăng dầu Nam Phúc	-	1.421.483.688
Cửa hàng xăng dầu Thạch Sơn	1.377.842.429	934.695.240
Kho nhiên liệu bay	277.165.455	277.165.455
Mở rộng sân tập Hưng Đông	148.015.455	-
Cộng	4.878.258.128	5.038.675.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	64.217.350.461	64.217.350.461	17.977.854.867	17.977.854.867
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	55.310.437.546	55.310.437.546	12.641.597.232	12.641.597.232
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	55.310.437.546	55.310.437.546	12.641.597.232	12.641.597.232
Các đối tượng khác	8.906.912.915	8.906.912.915	5.336.257.635	5.336.257.635
Phải trả người bán là các bên liên quan	55.969.315.733	55.969.315.733	13.182.777.469	13.182.777.469
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	55.310.437.546	55.310.437.546	12.641.597.232	12.641.597.232
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng - CN Hà Tĩnh	355.432.148	355.432.148	303.400.313	303.400.313
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	27.577.449	27.577.449	50.000.934	50.000.934
Công ty Xăng dầu Khu vực III - TNHH MTV	264.457.390	264.457.390	187.778.990	187.778.990
Công ty Bảo hiểm PJICO Nghệ An	11.411.200	11.411.200	-	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	117.212.811	8.776.088.520	8.665.418.637	227.882.694
Thuế thu nhập doanh nghiệp	478.379.287	2.306.181.000	2.098.902.430	685.657.857
Thuế thu nhập cá nhân	8.719.925	289.793.753	291.067.000	7.446.678
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	168.052.337	1.852.127.342	1.374.817.078	645.362.601
Các loại thuế khác	-	273.209.788	273.209.788	-
Cộng	772.364.360	13.497.400.403	12.703.414.933	1.566.349.830

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	7.952.928	65.472.601
Lãi vay phải trả	7.952.928	65.472.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
18.1 Ngắn hạn	18.993.000.000	67.500.000.000
Các khoản vay	18.993.000.000	67.500.000.000
18.2 Dài hạn	2.246.000.000	2.321.000.000
Các khoản vay	2.246.000.000	2.321.000.000

a. Các khoản vay

	01/01/2022		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn [1]	67.500.000.000	67.500.000.000	316.507.000.000	18.993.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	40.381.876.668	40.381.876.668	232.418.123.332	263.007.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh	27.118.123.332	27.118.123.332	26.581.876.668	200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay dài hạn	2.321.000.000	2.321.000.000	80.000.000	155.000.000
Cá nhân [2]	2.321.000.000	2.321.000.000	80.000.000	155.000.000

[1] Các khoản vay ngắn hạn được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng và cá nhân tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của Ngân hàng. Mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh.

[2] Các khoản vay dài hạn cá nhân là tiền của người lao động cho Công ty vay theo lãi suất được quy định tại từng hợp đồng vay. Lãi vay được trả vào thời điểm cuối năm hoặc trả cùng với kỳ trả nợ gốc.

23

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

b. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Đơn vị tính: VND		
		Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Tại 31/12/2022				
Các khoản vay	2.246.000.000	-	2.246.000.000	-
Cá nhân	2.246.000.000	-	2.246.000.000	-
Cộng	2.246.000.000	-	2.246.000.000	-
Tại 01/01/2022				
Các khoản vay	2.321.000.000	-	2.321.000.000	-
Cá nhân	2.321.000.000	-	2.321.000.000	-
Cộng	2.321.000.000	-	2.321.000.000	-

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.365.435.510	4.718.951.142
Kinh phí công đoàn	-	159.434.226
Bảo hiểm xã hội	28.118.883	3.423.389.873
Lệ phí thi phải trả Sở Giao thông vận tải Tỉnh Nghệ An	699.242.206	439.167.206
Phải trả tiền khuyến mại cho khách hàng	124.462.840	178.500.840
Tiền bảo hiểm thu hộ phải trả Công ty Bảo hiểm PJICO	75.400.000	63.825.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	438.211.581	454.633.997

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Diễn giải	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	58.476.850.000	326.109.150	11.633.868.314	5.178.291.076	75.615.118.540
Tăng trong năm trước	-	-	349.799.153	9.106.638.907	9.456.438.060
Lãi trong năm	-	-	-	9.106.638.907	9.106.638.907
Phân phối lợi nhuận	-	-	349.799.153	-	349.799.153
Giảm trong năm trước	-	-	-	5.178.291.076	5.178.291.076
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.178.291.076	5.178.291.076
Số đầu năm nay	58.476.850.000	326.109.150	11.983.667.467	9.106.638.907	79.893.265.524
Tăng trong năm nay	-	-	2.118.320.040	10.264.126.282	12.382.446.322
Lãi trong năm	-	-	-	10.264.126.282	10.264.126.282
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.118.320.040	-	2.118.320.040
Giảm trong năm nay	-	-	-	9.106.638.907	9.106.638.907
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.106.638.907	9.106.638.907
Số cuối năm nay	58.476.850.000	326.109.150	14.101.987.507	10.264.126.282	83.169.072.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	29.823.520.000	29.823.520.000	29.823.520.000	29.823.520.000
Ông Hoàng Công Thành	1.882.150.000	1.882.150.000	1.882.150.000	1.882.150.000
Ông Trương Hồng Toàn	450.000.000	450.000.000	600.000.000	600.000.000
Ông Mạnh Xuân Hùng	529.940.000	529.940.000	529.940.000	529.940.000
Các cổ đông khác	25.791.240.000	25.791.240.000	25.641.240.000	25.641.240.000
Cộng	58.476.850.000	58.476.850.000	58.476.850.000	58.476.850.000

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Số đầu năm	58.476.850.000	58.476.850.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	58.476.850.000	58.476.850.000

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Số đầu năm	9.106.638.907	5.178.291.076
Tăng trong năm	10.264.126.282	9.106.638.907
Lãi trong năm	10.264.126.282	9.106.638.907
Giảm trong năm	9.106.638.907	5.178.291.076
Phân phối lợi nhuận năm trước	9.106.638.907	5.178.291.076
Chia cổ tức bằng tiền	5.847.685.000	4.678.148.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.118.320.040	349.799.153
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	928.061.200	150.343.923
Thưởng Ban điều hành	212.572.667	-
Số cuối năm	10.264.126.282	9.106.638.907

c. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.847.685	5.847.685
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.847.685	5.847.685
Cổ phiếu phổ thông	5.847.685	5.847.685
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.847.685	5.847.685
Cổ phiếu phổ thông	5.847.685	5.847.685
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ (USD)	300,33	300,88

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

22. DOANH THU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.176.896.328.438	1.226.912.015.199
Doanh thu bán xăng dầu chính	1.991.637.953.334	1.095.683.541.506
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	10.585.331.738	7.979.803.315
Doanh thu bán gas và phụ kiện	14.268.323.702	13.233.969.337
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	120.700.486.900	83.629.404.490
Doanh thu dịch vụ cơ khí, sửa chữa	420.639.545	12.500.000
Doanh thu Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe	39.283.593.219	26.372.796.551

Các khoản giảm trừ doanh thu

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.176.896.328.438	1.226.912.015.199
--	--------------------------	--------------------------

Trong đó:

Doanh thu đối với các bên liên quan	120.797.686.298	83.629.404.490
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	36.957.955.146	26.156.232.423
Công ty Xăng dầu Nghệ An	27.031.894.006	24.422.793.176
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	19.411.140.838	15.572.482.182
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	462.055.906	232.773.184
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	1.826.917.222	1.760.431.367
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	30.760.717.939	15.353.468.884
Công ty Xăng dầu Khu vực I - Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	532.498.368	60.137.283
Công ty Xăng dầu Khu vực I - Chi nhánh Xăng dầu Vinh Phúc	354.747.559	71.085.991
Công ty Xăng dầu Khu vực I - Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	411.770.122	-
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	552.656.412	-
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình - Chi nhánh Xăng dầu Hòa Bình	293.757.347	-
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình - Xí nghiệp Xăng dầu K133	121.840.567	-
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	61.714.693	-
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	14.900.358	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	2.003.119.815	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của xăng dầu chính đã bán	1.901.859.801.856	1.013.581.232.498
Giá vốn của dầu mỡ nhờn đã bán	9.106.238.949	6.439.833.296
Giá vốn của gas và phụ kiện đã bán	12.375.764.182	11.018.501.216
Giá vốn của dịch vụ vận tải đường bộ đã cung cấp	105.551.740.372	75.655.016.961
Giá vốn của dịch vụ cơ khí, sửa chữa đã cung cấp	405.330.144	12.500.000
Giá vốn của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe	25.267.092.537	19.121.916.654
Cộng	2.054.565.968.040	1.125.829.000.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	21.454.125	17.049.266
Lãi chênh lệch tỷ giá	52.417.174	87.327.799
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	16.325.349	4.078.303
Doanh thu hoạt động tài chính khác	19.809.653	-
Cộng	110.006.301	108.455.368

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	2.431.349.513	2.236.237.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá	524.433	196.172.988
Chi phí tài chính khác	2.996.120.600	3.372.730.421
Cộng	5.427.994.546	5.805.140.965

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
26.1 Chi phí bán hàng	75.228.696.891	60.441.303.838
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	37.119.595.905	34.068.966.886
Chi phí nhân viên	23.070.299.684	21.645.870.008
Chi phí khấu hao	14.049.296.221	12.423.096.878
Các khoản chi phí bán hàng khác	38.109.100.986	26.372.336.952
26.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.315.031.402	23.855.040.804
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	19.352.621.610	16.016.336.511
Chi phí nhân viên	19.352.621.610	16.016.336.511
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.962.409.792	7.838.704.293

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	154.545.454	81.818.182
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	(12.500.000)	(9.500.000)
Các khoản hỗ trợ, bồi thường nhận được	-	246.120.000
Tiền thu cho thuê xe	150.000.000	-
Các khoản khác	41.002.481	24.178.130
Cộng	333.047.935	342.616.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản bị phạt	12.840.000	15.103.861
Tiền ứng hộ địa phương	92.300.000	-
Các khoản khác	126.244.513	44.627
Cộng	231.384.513	15.148.488

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.477.091.993	11.565.361.849
Chi phí nhân công	75.538.152.956	59.458.646.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.126.470.642	26.781.860.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.717.432.649	6.164.981.116
Chi phí khác	76.908.538.298	56.992.744.810
Cộng	201.767.686.538	160.963.594.914

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	12.570.307.282	11.417.452.159
Hoạt động đào tạo	5.743.187.148	1.811.595.624
Các hoạt động khác	6.827.120.134	9.605.856.535
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	1.357.042.621	1.183.024.695
Thu nhập của HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	174.304.000	156.000.000
Chi phí không được trừ của hoạt động kinh doanh khác	1.182.738.621	1.027.024.695
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	140.612.780
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản phải thu khách hàng năm trước chuyển sang	-	140.612.780
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	13.927.349.903	12.459.864.074
Hoạt động đào tạo (4a)	5.743.187.148	1.811.595.624
Các hoạt động khác (4b)	8.184.162.755	10.648.268.450
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi (5a)	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (5b)	20%	20%
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (6)	95.029.734	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (7)=(4a)*(5a)+(4b)*(5b)+(6)	2.306.181.000	2.310.813.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	10.264.126.282	9.106.638.907
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	1.140.633.867
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	10.264.126.282	7.966.005.040
Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (4)	5.847.685	5.847.685
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	1.755	1.362

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2021 là điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 147-2022/PTX-NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2022. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Mã số 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm khoản mua sắm TSCĐ năm nay đã thanh toán trong năm trước số tiền là 2.309.783.000 VND và bao gồm khoản trả trước trong năm 2022 cho người bán để mua sắm TSCĐ trong năm sau số tiền là 6.623.289.000 VND.

33. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2022 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Tài sản tài chính	Giá trị ghi số	Giá trị ghi số
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền	22.619.748.918	3.419.954.682
Phải thu của khách hàng	10.234.611.046	7.349.471.367
Phải thu khác	1.637.963.776	1.649.290.106
Cộng	34.492.323.740	12.418.716.155
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	64.217.350.461	17.977.854.866
Chi phí phải trả	7.952.928	65.472.601
Phải trả khác	199.862.840	242.325.840
Vay và nợ thuê tài chính	21.239.000.000	69.821.000.000
Cộng	85.664.166.229	88.106.653.307

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty chịu rủi ro một phần từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì một số giao dịch bán hàng bằng USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính	85.545.583	250.300.121
Tiền	6.839.412	6.795.375
Phải thu của khách hàng	78.706.171	243.504.746
Nợ tài chính	-	-
(Nợ)/Tài sản tài chính thuần	85.545.583	250.300.121
Cộng: cam kết mua ngoại tệ	-	-
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	85.545.583	250.300.121

Rủi ro lãi suất

Lãi suất của các khoản vay thay đổi theo biến động lãi suất của ngân hàng tại từng thời kỳ. Do vậy, Công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính quá hạn		
Quá hạn dưới 03 năm	-	39.431.733
Quá hạn từ 03 năm trở lên	994.310.007	979.257.589
Cộng	994.310.007	1.018.689.322

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) nêu trên được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán tổng hợp đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2022		
Phải trả người bán	64.217.350.461	-
Chi phí phải trả	7.952.928	-
Phải trả khác	199.862.840	-
Vay và nợ thuê tài chính	18.993.000.000	2.246.000.000
Cộng	83.418.166.229	2.246.000.000
Tại 01/01/2022		
Phải trả người bán	17.977.854.866	-
Chi phí phải trả	65.472.601	-
Phải trả khác	242.325.840	-
Vay và nợ thuê tài chính	67.500.000.000	2.321.000.000
Cộng	85.785.653.307	2.321.000.000

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

35. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.962.969.629.054	1.063.129.212.605
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	1.933.517.633.898	1.043.302.082.633
Công ty Xăng dầu Khu vực III	4.881.943.564	170.708.172
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng - CN Hà Tĩnh	12.481.309.728	10.576.677.332
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần	9.935.708.627	8.135.532.004
Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	496.000.000	403.000.000
Công ty TNHH Hóa chất PTN	552.336.000	541.212.464
Công ty CP Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	179.949.255	-
Công ty bảo hiểm PJICO Nghệ An	476.846.282	-
Công ty bảo hiểm PJICO Thanh Hóa	447.901.700	-
Chi phí tài chính khác	2.996.120.600	3.372.730.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	2.996.120.600	3.372.730.421
Cố tức đã trả	3.283.561.000	2.626.848.860
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	2.982.352.000	2.385.881.660
Ông Hoàng Công Thành	188.215.000	150.572.000
Ông Mạnh Xuân Hùng	60.000.000	42.395.200
Ông Trương Hồng Toàn	52.994.000	48.000.000
Số dư với bên liên quan	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND

Phải thu khác (ký cược, ký quỹ vỏ bình gas)

Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng - CN Hà Tĩnh	1.135.563.776	1.111.390.107
--	---------------	---------------

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Năm 2022	Chức vụ	Lương	Thù lao	Cộng
		VND	VND	VND
Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT	555.080.000	-	555.080.000
Ông Mạnh Xuân Hùng	Giám đốc, Thành viên HĐQT	504.800.000	-	504.800.000
Ông Đào Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT	404.239.999	-	404.239.999
Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	80.448.000	80.448.000
Ông Hoàng Văn Tuyển	Thành viên HĐQT	-	80.448.000	80.448.000
Ông Trương Hồng Toàn	Phó Giám đốc	404.239.999	-	404.239.999
Ông Trần Thanh Sơn	Phó Giám đốc	281.999.999	-	281.999.999
Cộng		2.150.359.997	160.896.000	2.311.255.997

Năm 2021	Chức vụ	Lương	Thù lao	Cộng
		VND	VND	VND
Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT	547.453.221	-	547.453.221
Ông Mạnh Xuân Hùng	Giám đốc, Thành viên HĐQT	479.055.598	-	479.055.598
Ông Đào Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT	392.535.597	-	392.535.597
Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	63.600.000	63.600.000
Ông Hoàng Văn Tuyển	Thành viên HĐQT	-	63.600.000	63.600.000
Ông Trương Hồng Toàn	Phó Giám đốc	387.171.597	-	387.171.597
Ông Trần Thanh Sơn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31/12/2021)	-	-	-

Cộng	1.806.216.013	127.200.000	1.933.416.013
-------------	----------------------	--------------------	----------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

MẪU SỐ B09 - DN

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải, bộ phận kinh doanh xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác và bộ phận hoạt động của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận vận tải: dịch vụ vận tải xăng dầu đường bộ;
- Bộ phận hoạt động kinh doanh xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác: phân phối các sản phẩm liên quan đến xăng dầu và dịch vụ cơ khí, sửa chữa;
- Bộ phận hoạt động của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS: đào tạo nghề, đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng; sát hạch lái xe mô tô, ô tô các hạng.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022

	Vận tải	Xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác	Trung tâm đào tạo	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	34.069.298.360	122.733.555.625	23.135.887.398	179.938.741.383
Tài sản không phân bổ				19.873.328.044
Cộng				199.812.069.427
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	9.435.733.881	82.121.912.422	20.937.505.752	112.495.152.055
Nợ phải trả không phân bổ				4.147.844.433
Cộng				116.642.996.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2022

	Vận tải	Xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác	Trung tâm đào tạo	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	120.700.486.900	2.016.912.248.319	39.283.593.219	2.176.896.328.438
Giá vốn hàng bán	105.551.740.372	1.923.747.135.131	25.267.092.537	2.054.565.968.040
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	11.366.284.080	86.907.277.009	6.270.167.204	104.543.728.293
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	110.006.301
Chi phí tài chính	1.905.033.314	3.407.611.643	115.349.589	5.427.994.546
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.877.429.134	2.958.311.512	7.632.903.214	12.468.643.860
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	101.663.422
Lợi nhuận trước thuế	1.877.429.134	3.027.020.389	7.665.857.759	12.570.307.282
Chi phí thuế TNDN	446.894.351	900.433.812	958.852.837	2.306.181.000
Lợi nhuận sau thuế				10.264.126.282

Năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại 31/12/2021

	Vận tải	Xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác	Trung tâm đào tạo	Đơn vị tính: VND Cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	41.744.986.648	119.374.339.315	23.135.887.398	184.255.213.361
Tài sản không phân bổ				8.083.115.309
Cộng				192.338.328.670
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	5.047.582.431	80.035.857.078	20.937.505.752	106.020.945.261
Nợ phải trả không phân bổ				6.424.117.885
Cộng				112.445.063.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2021

	Vận tải	Xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác	Trung tâm đào tạo	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần	83.629.404.490	1.116.909.814.158	26.372.796.551	1.226.912.015.199
Giá vốn hàng bán	75.655.016.961	1.031.052.067.010	19.121.916.654	1.125.829.000.625
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	8.154.532.902	71.837.157.032	4.304.654.708	84.296.344.642
Doanh thu hoạt động tài chính	-	106.745.762	1.709.606	108.455.368
Chi phí tài chính	2.076.329.118	3.284.631.929	444.179.918	5.805.140.965
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2.256.474.491)	10.842.703.949	2.503.754.877	11.089.984.335
Lãi (lỗ) khác	-	309.695.097	17.772.727	327.467.824
Lợi nhuận trước thuế	(2.256.474.491)	11.152.399.046	2.521.527.604	11.417.452.159
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	2.310.813.252
Lợi nhuận sau thuế				9.106.638.907

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Trần Thị Hồi

Kế toán trưởng

Đào Ngọc Tiến

Nghệ An, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Giám đốc



Mạnh Xuân Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH
Xóm 13, Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: (84.238) 385 1530
Fax: (84.238) 385 1530
ptsnghetinh@yahoo.com